3

**Classification: Nội dung và kỹ năng cơ bản**

Con người có khả năng bẩm sinh để phân loại mọi thứ ,

ví dụ : có thể lọc được tin nhắn email spam và đặc biệt

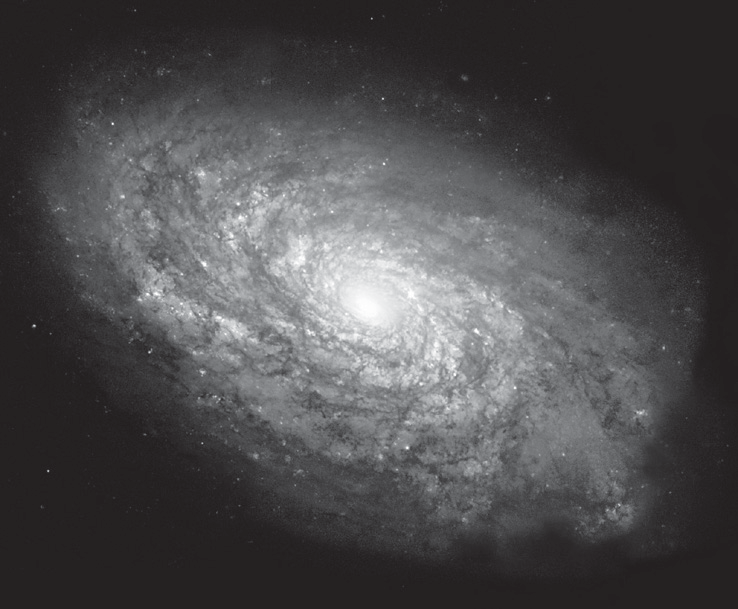
hơn như nhận dạng các thiên thể trong kính viễn vọng .

Khi phân loại một cách bình thường thì ta chỉ thu thập

được các tập dữ liệu nhỏ và đơn giản gồm vài thuộc tính

, những thứ lớn hơn và phức tạp hơn yêu cầu một giải

pháp tự động.



(a) A spiral galaxy. (b) An elliptical galaxy.

**Figure 3.1.** Phân loại thiên thể từ hình ảnh kính viễn vọng từ trang web của NASA

**114 Chương 3** Classiﬁcation

**Classification model**

Input

Attribute set (**x**)

Output

Class label (*y*)

**Figure 3.2.** Sơ đồ minh họa của một thao tác phân loại.

Trong chương này giới thiệu về nội dung cở bản của một lớp phân loại và mô tả một vài vấn đề quan trọng như là mô hình quá mức , mô hình lựa chọn, mô hình đánh giá.Mặc dù những chủ đề này mô tả cách sử dụng kỹ thuật phân loại được gọi là decision tree induction, hầu hết vấn đề trong chương này cũng có thể áp dụng cho các kĩ thuật phân loại khác , nhiều trong số đó sẽ được đề cập trong chương 4.

3.1 Nội dung cơ bản

Hình 3.2 minh họa ý tưởng chung đằng sau phân loại. Dữ liệu cho một nhiệm vụ phân loại bao gồm một tập hợp các trường hợp (bản ghi). Mỗi trường hợp như vậy được mô tả bởi tuple (x, y), trong đó x là tập hợp các giá trị thuộc tính mô tả trường hợp và y là class label của trường hợp. Tập thuộc tính x có thể chứa các thuộc tính thuộc bất kỳ loại nào, trong khi class label y phải được phân loại.

**Table 3.1.** Ví dụ của thao tác phân loại.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Task | Attribute set | Class label |
| Lọc spam | Các tính năng được trích xuất từ email message header and nội dung | spam or non-spam |
| Nhận dạng khối u | Các tính năng được trích xuất từ ​​quét cộng hưởng từ (MRI) | Ác tính hoặc lành tính |
| Phân loại thiên hà | Các tính năng được trích xuất từ ​​hình ảnh kính viễn vọng | hình elip, xoắn ốc hoặc hình dạng không đều |

* 1. Nội dung cơ bản **115**

. **Table 3.2.** Một dữ liệu mẫu cho vấn đề phân loại động vật có xương sống

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Vertebrate  Name | Body  Temperature | Skin  Cover | Gives  Birth | Aquatic  Creature | Aerial  Creature | Has  Legs | Hiber-  nates | Class  Label |
| human  python salmon whale frog komodo dragon bat pigeon cat leopard shark turtle penguin porcupine eel  salamander | warm-blooded  cold-blooded cold-blooded warm-blooded cold-blooded cold-blooded  warm-blooded warm-blooded warm-blooded cold-blooded  cold-blooded warm-blooded warm-blooded cold-blooded cold-blooded | hair  scales scales hair none scales  hair feathers fur scales  scales feathers quills scales none | yes  no no yes no no  yes no yes yes  no no yes no no | no  no yes yes semi no  no no no yes  semi semi no yes semi | no  no no no no no  yes yes no no  no no no no no | yes  no no no yes yes  yes yes yes no  yes yes yes no yes | no  yes no no yes no  yes no no no  no no yes no yes | mammal  reptile ﬁsh mammal amphibian reptile  mammal bird mammal ﬁsh  reptile bird mammal ﬁsh amphibian |

Bảng 3.1 cho thấy các ví dụ về các tập thuộc tính và nhãn lớp cho các nhiệm vụ phân loại khác nhau. Lọc thư rác và xác định khối u là ví dụ về các vấn đề phân loại nhị phân, trong đó mỗi trường hợp dữ liệu có thể được phân loại thành một trong hai lớp. Nếu số lượng lớp lớn hơn 2, như trong ví dụ phân loại thiên hà, thì nó được gọi là vấn đề phân loại đa lớp. Chúng tôi minh họa các khái niệm cơ bản của phân loại trong chương này với hai ví dụ sau.

**Ví dụ 3.1. [Phân loại động vật có xương sống]** Bảng 3.2 cho thấy một bộ dữ liệu mẫu để phân loại động vật có xương sống thành động vật có vú, bò sát, chim, cá và động vật lưỡng cư. Bộ thuộc tính bao gồm các đặc điểm của động vật có xương sống như nhiệt độ cơ thể, lớp da và khả năng bay. Tập dữ liệu cũng có thể được sử dụng việc phân loại nhị phân, chẳng hạn như phân loại động vật có vú, bằng cách nhóm các loài bò sát, chim, cá và lưỡng cư vào một loại duy nhất gọi là non-mammals.

**Ví dụ 3.2. [Phân loại người vay tiền]** Xem xét vấn đề dự đoán liệu người vay tiền sẽ trả nợ hay không trả được nợ. Tập dữ liệu được sử dụng để xây dựng mô hình phân loại được hiển thị trong Bảng 3.3. Bộ thuộc tính bao gồm thông tin cá nhân của người vay như tình trạng hôn nhân và thu nhập hàng năm, trong khi nhãn lớp cho biết liệu người vay có khả năng thanh toán các khoản cho vay hay không.

**116 Chương 3 : Classfication**

**Table 3.3.** A sample data for the loan borrower classification problem.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ID | Home Owner | Marital Status | Annual Income | Defaulted? |
| 1 | Yes | Single | 125000 | No |
| 2 | No | Married | 100000 | No |
| 3 | No | Single | 70000 | No |
| 4 | Yes | Married | 120000 | No |
| 5 | No | Divorced | 95000 | Yes |
| 6 | No | Single | 60000 | No |
| 7 | Yes | Divorced | 220000 | No |
| 8 | No | Single | 85000 | Yes |
| 9 | No | Married | 75000 | No |
| 10 | No | Single | 90000 | Yes |

Một mô hình phân loại phục vụ hai vai trò quan trọng trong khai thác dữ liệu. Đầu tiên, nó được sử dụng như một mô hình dự đoán để phân loại các trường hợp chưa được gắn nhãn trước đó. Một mô hình phân loại tốt phải cung cấp dự đoán chính xác với thời gian phản hồi nhanh. Thứ hai, nó thực hiện như một mô hình mô tả để xác định các đặc điểm phân biệt các trường hợp với các lớp khác nhau. Điều này đặc biệt hữu ích cho các ứng dụng quan trọng, chẳng hạn như chẩn đoán y tế, trong đó không đủ để có một mô hình đưa ra dự đoán mà không chứng minh làm thế nào nó quyết định như vậy.

Ví dụ, một mô hình phân loại được tạo ra từ tập dữ liệu của động vật có xương sống trong Bảng 3.2 có thể được sử dụng để dự đoán nhãn lớp của động vật có xương sống sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Vertebrate  Name | Body  Temperature | Skin  Cover | Gives  Birth | Aquatic  Creature | Aerial  Creature | Has  Legs | Hiber-  nates | Class  Label |
| gila monster | cold-blooded | scales | no | no | no | yes | yes | ? |

Ngoài ra, nó có thể được sử dụng như một mô hình mô tả để giúp xác định các đặc điểm xác định động vật có xương sống là động vật có vú, bò sát, chim, cá hoặc lưỡng cư. Ví dụ, mô hình có thể xác định động vật có vú là động vật có xương sống có máu ấm sinh ra con.

Có một số điểm đáng chú ý liên quan đến ví dụ trước. Đầu tiên, mặc dù tất cả các thuộc tính được hiển thị trong Bảng 3.2 là định tính, không có hạn chế nào về loại thuộc tính có thể được sử dụng làm biến dự báo. Mặt khác, nhãn lớp phải là loại danh nghĩa. Điều này phân biệt phân loại với các nhiệm vụ mô hình dự đoán khác như hồi quy, trong đó giá trị dự đoán thường là định lượng. Thông tin thêm về hồi quy có thể được tìm thấy trong Phụ lục D.

Một điểm đáng chú ý khác là không phải tất cả các thuộc tính có thể liên quan đến nhiệm vụ phân loại. Ví dụ: chiều dài hoặc trọng lượng trung bình của một

* 1. General Framework for Classiﬁcation **117**

Động vật có xương sống có thể không phù hợp để phân loại động vật có vú, vì các thuộc tính này có thể hiển thị cùng một giá trị cho cả động vật có vú và không phải động vật có vú. Một thuộc tính như vậy thường bị loại bỏ trong quá trình tiền xử lý. Các thuộc tính còn lại có thể không thể tự phân biệt các lớp và do đó, phải được sử dụng cùng với các thuộc tính khác. Chẳng hạn, thuộc tính Nhiệt độ cơ thể không đủ để phân biệt động vật có vú với các động vật có xương sống khác. Khi nó được sử dụng cùng với cách chào đời, việc phân loại động vật có vú được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, khi bao gồm các thuộc tính bổ sung, chẳng hạn như màu da, mô hình trở nên quá cụ thể và không còn bao gồm tất cả các động vật có vú. Tìm kiếm sự kết hợp tối ưu của các thuộc tính phân biệt tốt nhất các thể hiện từ các lớp khác nhau là thách thức chính trong việc xây dựng các mô hình phân loại

# General Framework for Classiﬁcation

Phân loại là nhiệm vụ gán nhãn cho các trường hợp dữ liệu chưa được gắn nhãn và classifier được sử dụng để thực hiện một tác vụ như vậy. Một bộ phân loại thường được mô tả theo các mô hình trước. Mô hình được tạo bằng cách sử dụng một tập hợp các trường hợp đã cho, được gọi là tập huấn luyện, chứa các giá trị thuộc tính cũng như nhãn lớp cho mỗi trường hợp. Phương pháp hệ thống để học, một mô hình phân loại được cung cấp một tập huấn luyện được gọi là thuật toán học tập. Quá trình sử dụng thuật toán học tập để xây dựng mô hình phân loại từ dữ liệu đào tạo được gọi là quy nạp. Quá trình này cũng thường được mô tả như là học tập mô hình học tập hoặc mô hình xây dựng. Quá trình áp dụng một mô hình phân loại trên các trường hợp thử nghiệm chưa thấy để dự đoán nhãn lớp của chúng được gọi là khấu trừ. Do đó, quá trình phân loại bao gồm hai bước: áp dụng thuật toán học tập để đào tạo dữ liệu để học mô hình và sau đó áp dụng mô hình để gán nhãn cho các trường hợp không được gắn nhãn. Hình 3.3 minh họa khung chung để phân loại

Một kỹ thuật phân loại đề cập đến một cách tiếp cận chung để phân loại, ví dụ, kỹ thuật cây quyết định mà chúng ta sẽ nghiên cứu trong chương này. Kỹ thuật phân loại này giống như hầu hết các kỹ thuật khác, bao gồm một nhóm các mô hình liên quan và một số thuật toán để học các mô hình này. Trong Chương 4, chúng tôi sẽ nghiên cứu các kỹ thuật phân loại bổ sung, bao gồm các mạng thần kinh và các máy vector hỗ trợ.

Một vài lưu ý về thuật ngữ. Đầu tiên, các thuật ngữ phân loại và các mô hình khác, các mô hình phân loại trực tuyến, thường được coi là đồng nghĩa. Nếu một kỹ thuật phân loại xây dựng một mô hình toàn cầu duy nhất, thì điều này là tốt. Tuy nhiên, trong khi mọi mô hình định nghĩa một trình phân loại, không phải mọi phân loại đều được xác định bởi một mô hình duy nhất. Một số trình phân loại, chẳng hạn như trình phân loại lân cận k-nearest, không xây dựng mô hình rõ ràng (Mục 4.3)

**118 Chapter 3** Classiﬁcation



|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |



**Figure 3.3.** General framework for building a classification model.

Ⓧ

Ⓧ

các phân loại khác, chẳng hạn như phân loại đồng bộ, kết hợp đầu ra của một tập hợp các mô hình (Mục 4.10). Thứ hai, thuật ngữ phân loại trực tuyến, thường được sử dụng theo nghĩa chung hơn để chỉ một kỹ thuật phân loại. Do đó, ví dụ, bộ phân loại cây quyết định, có thể tham khảo kỹ thuật phân loại cây quyết định hoặc một bộ phân loại cụ thể được xây dựng bằng kỹ thuật đó. May mắn thay, ý nghĩa của “classfier” thường rõ ràng từ ngữ cảnh.

Trong khung chung được chỉ ra trong Hình 3.3, các bước cảm ứng và khấu trừ phải được thực hiện riêng. Trong thực tế, như sẽ được thảo luận sau trong Phần 3.6, các bộ huấn luyện và kiểm tra phải độc lập với nhau để đảm bảo rằng mô hình cảm ứng có thể dự đoán chính xác các nhãn lớp của các trường hợp mà nó chưa từng gặp trước đây. Các mô hình cung cấp những hiểu biết dự đoán như vậy được cho là có generalization performance. Hiệu suất của một mô hình (phân loại) có thể được đánh giá bằng cách so sánh các nhãn dự đoán với các nhãn thực tế của các thể hiện. Thông tin này có thể được tóm tắt trong một bảng gọi là ma trận nhầm lẫn. Bảng 3.4 mô tả confusion matrix cho một vấn đề phân loại nhị phân. Mỗi mục nhập fij biểu thị số lượng phiên bản từ lớp i được dự đoán là của lớp j. Ví dụ: f01 là

* 1. Decision Tree Classiﬁer **119**

**Table 3.4.** Confusion matrix for a binary classification problem.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | Predicted Class | |
| Class = 1 | Class = 0 |
| Actual  Class | Class = 1 | *f*11 | *f*10 |
| Class = 0 | *f*01 | *f*00 |

số trường hợp từ lớp 0 được dự đoán không chính xác là lớp 1. Số lượng dự đoán đúng được thực hiện bởi mô hình là (*f*11 + *f*00) và số lượng dự đoán không chính xác là (*f*10 + *f*01).

Mặc dù confusion matrix cung cấp thông tin cần thiết để xác định mô hình phân loại hoạt động tốt như thế nào, việc tóm tắt thông tin này thành một số giúp thuận tiện hơn khi so sánh hiệu suất tương đối của các mô hình khác nhau. Điều này có thể được thực hiện bằng cách sử dụng một số liệu đánh giá, chẳng hạn như độ chính xác, được tính theo cách sau:

Accuracy =

Number of correct predictions Total number of predictions

*.* (3.1)

Đối với các vấn đề phân loại nhị phân, độ chính xác của một mô hình được đưa ra bởi

*f*11 + *f*00

Accuracy = *. f*11 + *f*10 + *f*01 + *f*00

(3.2)

Tỷ lệ lỗi là một số liệu liên quan khác, được xác định như sau :

Error rate = Number of wrong predictions = *f*10 + *f*01

*.* (3.3)

Total number of predictions

*f*11 + *f*10 + *f*01 + *f*00

Các thuật toán học tập của hầu hết các kỹ thuật phân loại được thiết kế để học các mô hình đạt độ chính xác cao nhất hoặc tương đương, tỷ lệ lỗi thấp nhất khi áp dụng cho bộ kiểm tra. Chúng tôi sẽ xem xét lại chủ đề đánh giá mô hình trong Phần 3.6.

This section introduces a simple classiﬁcation technique known as the **de- cision tree** classiﬁer. To illustrate how a decision tree works, consider the classiﬁcation problem of distinguishing mammals from non-mammals using

**120 Chapter 3** Classiﬁcation

the vertebrate data set shown in Table 3.2. Suppose a new species is discovered by scientists. How can we tell whether it is a mammal or a non-mammal? One approach is to pose a series of questions about the characteristics of the species. The ﬁrst question we may ask is whether the species is cold- or warm-blooded. If it is cold-blooded, then it is deﬁnitely not a mammal. Otherwise, it is either a bird or a mammal. In the latter case, we need to ask a follow-up question: Do the females of the species give birth to their young? Those that do give birth are deﬁnitely mammals, while those that do not are likely to be non- mammals (with the exception of egg-laying mammals such as the platypus and spiny anteater).

The previous example illustrates how we can solve a classiﬁcation problem

by asking a series of carefully crafted questions about the attributes of the test instance. Each time we receive an answer, we could ask a follow-up question until we can conclusively decide on its class label. The series of questions and their possible answers can be organized into a hierarchical structure called a decision tree. Figure 3.4 shows an example of the decision tree for the mammal classiﬁcation problem. The tree has three types of nodes:

* A **root node**, with no incoming links and zero or more outgoing links.

Ⓧ

Ⓧ

* **Internal nodes**, each of which has exactly one incoming link and two or more outgoing links.
* **Leaf** or **terminal** nodes, each of which has exactly one incoming link and no outgoing links.

Every leaf node in the decision tree is associated with a class label. The **non-terminal** nodes, which include the root and internal nodes, contain **attribute test conditions** that are typically deﬁned using a single attribute. Each possible outcome of the attribute test condition is associated with exactly one child of this node. For example, the root node of the tree shown in Figure 3.4 uses the attribute Body Temperature to deﬁne an attribute test condition that has two outcomes, warm and cold, resulting in two child nodes. Given a decision tree, classifying a test instance is straightforward. Starting from the root node, we apply its attribute test condition and follow the appropriate branch based on the outcome of the test. This will lead us either to another internal node, for which a new attribute test condition is applied, or to a leaf node. Once a leaf node is reached, we assign the class label associated with the node to the test instance. As an illustration, Figure 3.5 traces the path used to predict the class label of a ﬂamingo. The path terminates at a

leaf node labeled as Non-mammals.

**3.3** Decision Tree Classiﬁer **121**

Body

Temperature Root node

Internal node

Warm

Cold

Gives Birth

Non- mammals

Yes No

Leaf nodes

Non- mammals

Mammals

**Figure 3.4.** A decision tree for the mammal classification problem.

Unlabeled data

Body Temperature

Warm

Cold

Gives Birth

Yes

No

?

...

No

Warm

Flamingo

**Class**

**...**

**Gives Birth**

**Body temperature**

**Name**

Non- mammals

Mammals

Non- mammals

Non- mammals

Ⓧ

Ⓧ

**Figure 3.5.** Classifying an unlabeled vertebrate. The dashed lines represent the outcomes of applying various attribute test conditions on the unlabeled vertebrate. The vertebrate is eventually assigned to the Non-mammals class.

## A Basic Algorithm to Build a Decision Tree

Many possible decision trees that can be constructed from a particular data set. While some trees are better than others, ﬁnding an optimal one is com- putationally expensive due to the exponential size of the search space. Eﬃ- cient algorithms have been developed to induce a reasonably accurate, albeit

**122 Chapter 3** Classiﬁcation

suboptimal, decision tree in a reasonable amount of time. These algorithms usually employ a greedy strategy to grow the decision tree in a top-down fashion by making a series of locally optimal decisions about which attribute to use when partitioning the training data. One of the earliest method is **Hunt’s algorithm**, which is the basis for many current implementations of decision tree classiﬁers, including ID3, C4.5, and CART. This subsection presents Hunt’s algorithm and describes some of the design issues that must be considered when building a decision tree.

### Hunt’s Algorithm

In Hunt’s algorithm, a decision tree is grown in a recursive fashion. The tree initially contains a single root node that is associated with all the training instances. If a node is associated with instances from more than one class, it is expanded using an attribute test condition that is determined using a **splitting criterion**. A child leaf node is created for each outcome of the attribute test condition and the instances associated with the parent node are distributed to the children based on the test outcomes. This node expansion step can then be recursively applied to each child node, as long as it has labels of more than one class. If all the instances associated with a leaf node have identical class labels, then the node is not expanded any further. Each leaf node is assigned a class label that occurs most frequently in the training instances associated with the node.

Ⓧ

Ⓧ

To illustrate how the algorithm works, consider the training set shown

in Table 3.3 for the loan borrower classiﬁcation problem. Suppose we apply Hunt’s algorithm to ﬁt the training data. The tree initially contains only a single leaf node as shown in Figure 3.6(a). This node is labeled as Defaulted = No, since the majority of the borrowers did not default on their loan payments. The training error of this tree is 30% as three out of the ten training instances have the class label Defaulted = Yes. The leaf node can therefore be further expanded because it contains training instances from more than one class. Let Home Owner be the attribute chosen to split the training instances. The justiﬁcation for choosing this attribute as the attribute test condition will be discussed later. The resulting binary split on the Home Owner attribute is shown in Figure 3.6(b). All the training instances for which Home Owner

= Yes are propagated to the left child of the root node and the rest are

propagated to the right child. Hunt’s algorithm is then recursively applied to each child. The left child becomes a leaf node labeled Defaulted = No, since all instances associated with this node have identical class label Defaulted

= No. The right child has instances from each class label. Hence, we split it

**3.3** Decision Tree Classiﬁer **123**

Home Owner

Yes

No

Defaulted = No

Defaulted = No

Defaulted = No

1. (b)

Home Owner

Yes

No

Marital Status

Single,

Divorced Married

Defaulted = No

Defaulted = Yes

Defaulted = No

Home Owner

Yes No

Marital Status

Single,

Divorced Married

Annual Income

< 78000

Yes

No

Defaulted = Yes

Defaulted = No

Defaulted = No

Defaulted = No

(c) (d)

**Figure 3.6.** Hunt’s algorithm for building decision trees.

Ⓧ

Ⓧ

further. The resulting subtrees after recursively expanding the right child are shown in Figures 3.6(c) and (d).

Hunt’s algorithm, as described above, makes some simplifying assump- tions that are often not true in practice. In the following, we describe these assumptions and brieﬂy discuss some of the possible ways for handling them.

1. Some of the child nodes created in Hunt’s algorithm can be empty if none of the training instances have the particular attribute values. One way to handle this is by declaring each of them as a leaf node with a class label that occurs most frequently among the training instances associated with their parent nodes.
2. If all training instances associated with a node have identical attribute values but diﬀerent class labels, it is not possible to expand this node any further. One way to handle this case is to declare it a leaf node and assign it the class label that occurs most frequently in the training instances associated with this node.

**124 Chapter 3** Classiﬁcation

### Design Issues of Decision Tree Induction

Hunt’s algorithm is a generic procedure for growing decision trees in a greedy fashion. To implement the algorithm, there are two key design issues that must be addressed.

1. **What is the splitting criterion?** At each recursive step, an attribute must be selected to partition the training instances associated with a node into smaller subsets associated with its child nodes. The splitting criterion determines which attribute is chosen as the test condition and how the training instances should be distributed to the child nodes. This will be discussed in Sections 3.3.2 and 3.3.3.
2. **What is the stopping criterion?** The basic algorithm stops expand- ing a node only when all the training instances associated with the node have the same class labels or have identical attribute values. Although these conditions are suﬃcient, there are reasons to stop expanding a node much earlier even if the leaf node contains training instances from more than one class. This process is called early termination and the condition used to determine when a node should be stopped from expanding is called a stopping criterion. The advantages of early termination are discussed in Section 3.4.

Ⓧ

Ⓧ

## Methods for Expressing Attribute Test Conditions

Decision tree induction algorithms must provide a method for expressing an attribute test condition and its corresponding outcomes for diﬀerent attribute types.

**Binary Attributes** The test condition for a binary attribute generates two potential outcomes, as shown in Figure 3.7.

**Nominal Attributes** Since a nominal attribute can have many values, its attribute test condition can be expressed in two ways, as a multiway split or a binary split as shown in Figure 3.8. For a multiway split (Figure 3.8(a)), the number of outcomes depends on the number of distinct values for the corresponding attribute. For example, if an attribute such as marital status has three distinct values—single, married, or divorced—its test condition will produce a three-way split. It is also possible to create a binary split by partitioning all values taken by the nominal attribute into two groups. For example, some decision tree algorithms, such as CART, produce only binary

**3.3** Decision Tree Classiﬁer **125**

Body Temperature

Warm- blooded

Cold- blooded

**Figure 3.7.** Attribute test condition for a binary attribute.

Marital Status

Single Divorced Married

* + - 1. Multiway split

Ⓧ

Ⓧ

OR OR

Marital Status

Marital Status

Marital Status

{Married} {Single, Divorced}

{Single} {Married, Divorced}

{Single, Married}

{Divorced}

* + - 1. Binary split {by grouping attribute values}

**Figure 3.8.** Attribute test conditions for nominal attributes.

splits by considering all 2*k−*1 *−* 1 ways of creating a binary partition of *k* attribute values. Figure 3.8(b) illustrates three diﬀerent ways of grouping the attribute values for marital status into two subsets.

**Ordinal Attributes** Ordinal attributes can also produce binary or multi- way splits. Ordinal attribute values can be grouped as long as the grouping

**126 Chapter 3** Classiﬁcation

Shirt Size

Shirt Size

Shirt Size

{Small, Medium}

{Large, Extra Large}

(a)

{Small} {Medium, Large,

Extra Large} (b)

{Small, Large}

{Medium, Extra Large}

**Figure 3.9.** Different ways of grouping ordinal attribute values.

does not violate the order property of the attribute values. Figure 3.9 illus- trates various ways of splitting training records based on the Shirt Size attribute. The groupings shown in Figures 3.9(a) and (b) preserve the order among the attribute values, whereas the grouping shown in Figure 3.9(c) violates this property because it combines the attribute values Small and Large into the same partition while Medium and Extra Large are combined into another partition.

Ⓧ

Ⓧ

**Continuous Attributes** For continuous attributes, the attribute test con- dition can be expressed as a comparison test (e.g., *A < v*) producing a binary split, or as a range query of the form *vi ≤ A < vi*+1, for *i* = 1*,..., k*, producing a multiway split. The diﬀerence between these approaches is shown in Figure 3.10. For the binary split, any possible value *v* between the minimum and maximum attribute values in the training data can be used for construct- ing the comparison test *A < v*. However, it is suﬃcient to only consider distinct attribute values in the training set as candidate split positions. For the multiway split, any possible collection of attribute value ranges can be used, as long as they are mutually exclusive and cover the entire range of attribute values between the minimum and maximum values observed in the training set. One approach for constructing multiway splits is to apply the discretization strategies described in Section 2.3.6 on page 63. After discretization, a new ordinal value is assigned to each discretized interval, and the attribute test condition is then deﬁned using this newly constructed ordinal attribute.

**3.3** Decision Tree Classiﬁer **127**

Annual Income

< 10K

> 80K

{10K, 25K} {25K, 50K} {50K, 80K}

Annual Income

> 80K

Yes

No

* + - * 1. (b)

**Figure 3.10.** Test condition for continuous attributes.

## Measures for Selecting an Attribute Test Condition

There are many measures that can be used to determine the goodness of an attribute test condition. These measures try to give preference to attribute test conditions that partition the training instances into *purer* subsets in the child nodes, which mostly have the same class labels. Having purer nodes is useful since a node that has all of its training instances from the same class does not need to be expanded further. In contrast, an impure node containing training instances from multiple classes is likely to require several levels of node expansions, thereby increasing the depth of the tree considerably. Larger trees are less desirable as they are more susceptible to model overﬁtting, a condition that may degrade the classiﬁcation performance on unseen instances, as will be discussed in Section 3.4. They are also diﬃcult to interpret and incur more training and test time as compared to smaller trees.

Ⓧ

Ⓧ

In the following, we present diﬀerent ways of measuring the impurity of a

node and the collective impurity of its child nodes, both of which will be used to identify the best attribute test condition for a node.

### Impurity Measure for a Single Node

The impurity of a node measures how dissimilar the class labels are for the data instances belonging to a common node. Following are examples of measures

**128 Chapter 3** Classiﬁcation

that can be used to evaluate the impurity of a node *t*:

*c−*1

Entropy = *− pi*(*t*) log2 *pi*(*t*)*,* (3.4)

Σ

*i*=0

*c−*1

Gini index = 1 *− pi*(*t*) *,* (3.5)

Σ 2

*i*=0

Classiﬁcation error = 1 max[*pi*(*t*)]*,* (3.6)

*−*

*i*

where *pi*(*t*) is the relative frequency of training instances that belong to class *i* at node *t*, *c* is the total number of classes, and 0 log2 0 = 0 in entropy calculations. All three measures give a zero impurity value if a node contains instances from a single class and maximum impurity if the node has equal proportion of instances from multiple classes.

Figure 3.11 compares the relative magnitude of the impurity measures

when applied to binary classiﬁcation problems. Since there are only two classes, *p*0(*t*)+ *p*1(*t*) = 1. The horizontal axis *p* refers to the fraction of instances that belong to one of the two classes. Observe that all three measures attain their maximum value when the class distribution is uniform (i.e., *p*0(*t*) = *p*1(*t*) = 0*.*5) and minimum value when all the instances belong to a single class (i.e., either *p*0(*t*) or *p*1(*t*) equals to 1). The following examples illustrate how the values of the impurity measures vary as we alter the class distribution.

Ⓧ

Ⓧ

Gini = 1 *−* (0*/*6)2 *−* (6*/*6)2 =0

|  |  |
| --- | --- |
| Node *N*1 | Count |
| Class=0 | 0 |
| Class=1 | 6 |

Entropy = *−*(0*/*6) log2(0*/*6) *−* (6*/*6) log2(6*/*6) = 0 Error = 1 *−* max[0*/*6*,* 6*/*6] = 0

Gini = 1 *−* (1*/*6)2 *−* (5*/*6)2 = 0*.*278

|  |  |
| --- | --- |
| Node *N*2 | Count |
| Class=0 | 1 |
| Class=1 | 5 |

Entropy = *−*(1*/*6) log2(1*/*6) *−* (5*/*6) log2(5*/*6) = 0*.*650 Error = 1 *−* max[1*/*6*,* 5*/*6] = 0*.*167

Gini = 1 *−* (3*/*6)2 *−* (3*/*6)2 = 0*.*5

|  |  |
| --- | --- |
| Node *N*3 | Count |
| Class=0 | 3 |
| Class=1 | 3 |

Entropy = *−*(3*/*6) log2(3*/*6) *−* (3*/*6) log2(3*/*6) = 1 Error = 1 *−* max[3*/*6*,* 3*/*6] = 0*.*5

Based on these calculations, node *N*1 has the lowest impurity value, fol- lowed by *N*2 and *N*3. This example, along with Figure 3.11, shows the consis- tency among the impurity measures, i.e., if a node *N*1 has lower entropy than node *N*2, then the Gini index and error rate of *N*1 will also be lower than that

**3.3** Decision Tree Classiﬁer **129**



**Figure 3.11.** Comparison among the impurity measures for binary classification problems.

of *N*2. Despite their agreement, the attribute chosen as splitting criterion by the impurity measures can still be diﬀerent (see Exercise 6 on page 187).

Ⓧ

Ⓧ

### Collective Impurity of Child Nodes

Consider an attribute test condition that splits a node containing *N* training instances into *k* children, *{v*1*, v*2*, ··· , vk}*, where every child node represents a partition of the data resulting from one of the *k* outcomes of the attribute test condition. Let *N* (*vj*) be the number of training instances associated with a child node *vj*, whose impurity value is *I*(*vj*). Since a training instance in the parent node reaches node *vj* for a fraction of *N* (*vj*)*/N* times, the collective impurity of the child nodes can be computed by taking a weighted sum of the impurities of the child nodes, as follows:

*I*(children) = Σ *N* (*vj* ) *I*(*v* )*,* (3.7)

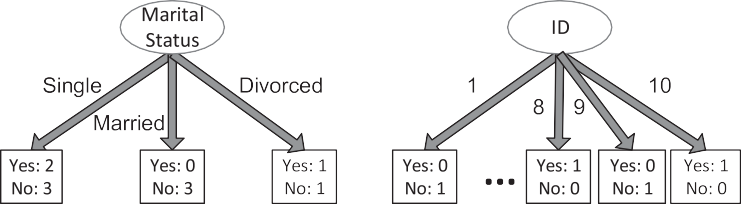
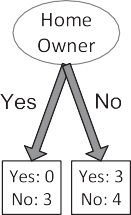
*k*

*j*=1

*N*

*j*

**Example 3.3. [Weighted Entropy]** Consider the candidate attribute test condition shown in Figures 3.12(a) and (b) for the loan borrower classiﬁcation problem. Splitting on the Home Owner attribute will generate two child nodes

**130 Chapter 3** Classiﬁcation



**Figure 3.12.** Examples of candidate attribute test conditions.

whose weighted entropy can be calculated as follows:

0 0 3 3

*I*(Home Owner = yes)= *−* 3 log2 3 *−* 3 log2 3 =0

3 3 4 4

*I*(Home Owner = no)= *−* 7 log2 7 *−* 7 log2 7 = 0*.*985

3 7

*I*(Home Owner)= 10 *×* 0+ 10 *×* 0*.*985 = 0*.*690

Splitting on Marital Status, on the other hand, leads to three child nodes with a weighted entropy given by

Ⓧ

Ⓧ

2 2 3 3

*I*(Marital Status = Single)= *−* 5 log2 5 *−* 5 log2 5 = 0*.*971

0 0 3 3

*I*(Marital Status = Married)= *−* 3 log2 3 *−* 3 log2 3 =0

1 1 1 1

*I*(Marital Status = Divorced)= *−* 2 log2 2 *−* 2 log2 2 = 1*.*000

5 3 2

*I*(Marital Status)= 10 *×* 0*.*971 + 10 *×* 0+ 10 *×* 1= 0*.*686

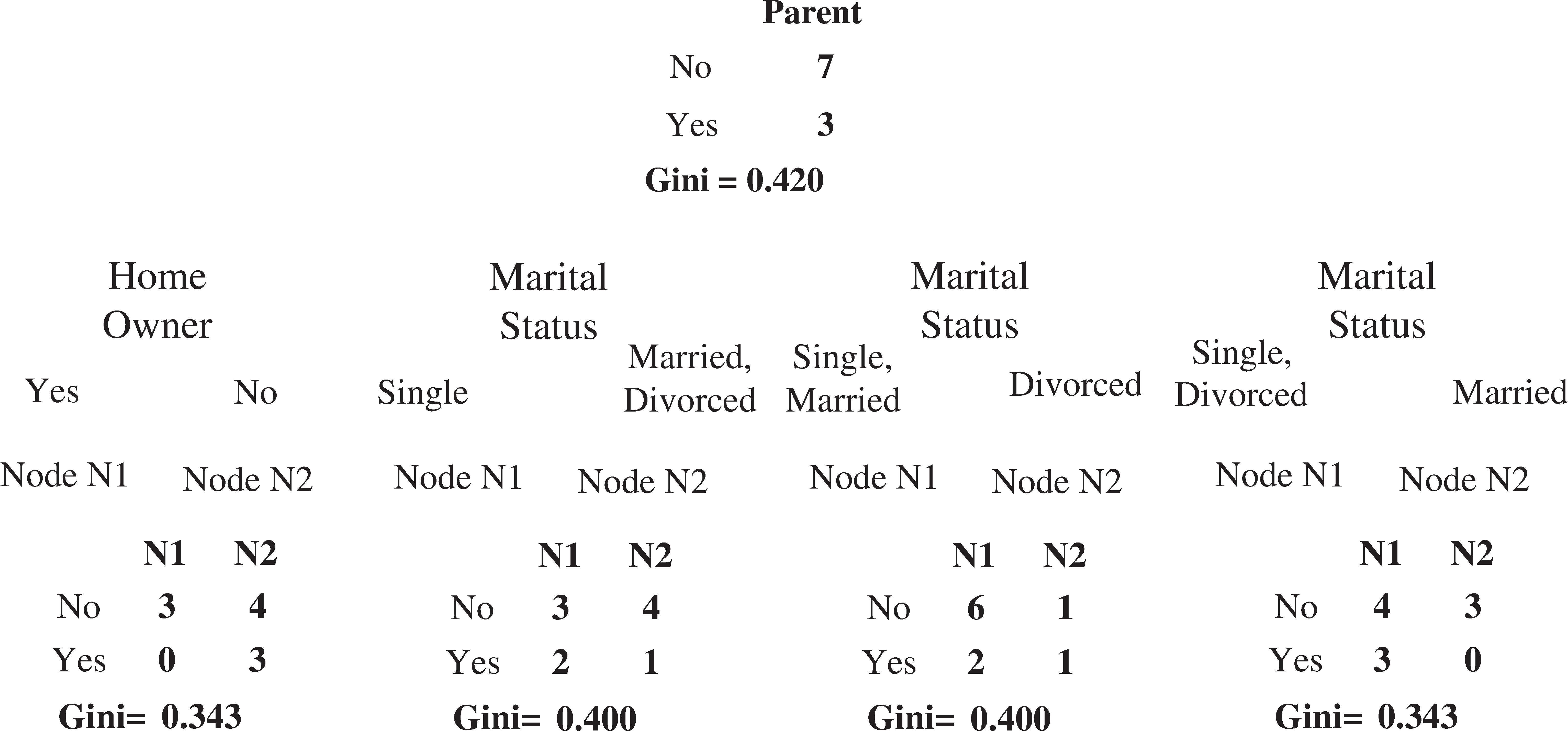
Thus, Marital Status has a lower weighted entropy than Home Owner.

### Identifying the best attribute test condition

To determine the goodness of an attribute test condition, we need to compare the degree of impurity of the parent node (before splitting) with the weighted degree of impurity of the child nodes (after splitting). The larger their diﬀer- ence, the better the test condition. This diﬀerence, Δ, also termed as the **gain** in purity of an attribute test condition, can be deﬁned as follows:

Δ= *I*(parent) *− I*(children)*,* (3.8)

**3.3** Decision Tree Classiﬁer **131**



**Figure 3.13.** Splitting criteria for the loan borrower classification problem using Gini index.

where *I*(parent) is the impurity of a node before splitting and *I*(children) is the weighted impurity measure after splitting. It can be shown that the gain is non-negative since *I*(parent) *≥ I*(children) for any reasonable measure such as those presented above. The higher the gain, the purer are the classes in the child nodes relative to the parent node. The splitting criterion in the decision tree learning algorithm selects the attribute test condition that shows the maximum gain. Note that maximizing the gain at a given node is equivalent to minimizing the weighted impurity measure of its children since *I*(parent) is the same for all candidate attribute test conditions. Finally, when entropy is used as the impurity measure, the diﬀerence in entropy is commonly known as **information gain**, Δinfo.

Ⓧ

Ⓧ

In the following, we present illustrative approaches for identifying the best

attribute test condition given qualitative or quantitative attributes.

### Splitting of Qualitative Attributes

Consider the ﬁrst two candidate splits shown in Figure 3.12 involving qualita- tive attributes Home Owner and Marital Status. The initial class distribution at the parent node is (0*.*3*,* 0*.*7), since there are 3 instances of class Yes and 7 instances of class No in the training data. Thus,

3 3 7 7

*I*(parent) = *−* 10 log2 10 *−* 10 log2 10 = 0*.*881

**132 Chapter 3** Classiﬁcation

The information gains for Home Owner and Marital Status are each given by

Δinfo(Home Owner) = 0*.*881 *−* 0*.*690 = 0*.*191

Δinfo(Marital Status) = 0*.*881 *−* 0*.*686 = 0*.*195

The information gain for Marital Status is thus higher due to its lower weighted entropy, which will thus be considered for splitting.

### Binary Splitting of Qualitative Attributes

Consider building a decision tree using only binary splits and the Gini index as the impurity measure. Figure 3.13 shows examples of four candidate splitting criteria for the Home Owner and Marital Status attributes. Since there are 3 borrowers in the training set who defaulted and 7 others who repaid their loan (see Table in Figure 3.13), the Gini index of the parent node before splitting

is

. Σ

. Σ

3 2

1

10

*−*

*−*

7 2

10

= 0*.*420*.*

If Home Owner is chosen as the splitting attribute, the Gini index for the child nodes N1 and N2 are 0 and 0.490, respectively. The weighted average Gini index for the children is

Ⓧ

Ⓧ

(3*/*10) *×* 0+ (7*/*10) *×* 0*.*490 = 0*.*343*,*

where the weights represent the proportion of training instances assigned to each child. The gain using Home Owner as splitting attribute is 0.420 - 0.343 =

0.077. Similarly, we can apply a binary split on the Marital Status attribute. However, since Marital Status is a nominal attribute with three outcomes, there are three possible ways to group the attribute values into a binary split. The weighted average Gini index of the children for each candidate binary split is shown in Figure 3.13. Based on these results, Home Owner and the last binary split using Marital Status are clearly the best candidates, since they both produce the lowest weighted average Gini index. Binary splits can also be used for ordinal attributes, if the binary partitioning of the attribute values does not violate the ordering property of the values.

### Binary Splitting of Quantitative Attributes

Consider the problem of identifying the best binary split Annual Income *≤ τ*

for the preceding loan approval classiﬁcation problem. As discussed previously,

Sorted Values

Split Positions

**3.3** Decision Tree Classiﬁer **133**

**Figure 3.14.** Splitting continuous attributes.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Class** | No | | | No | | | No | | Yes | | Yes | | Yes | | No | | No | | No | | No | | |
|  | Annual Income (in ‘000s) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 60 | | | 70 | | | 75 | | 85 | | 90 | | 95 | | 100 | | 120 | | 125 | | 220 | | |
| **55** | | **65** | | | **72.5** | | **80** | | **87.5** | | **92.5** | | **97.5** | | **110** | | **122.5** | | **172.5** | | **230** | |
| **<=** | **>** | **<=** | | **>** | **<=** | **>** | **<=** | **>** | **<=** | **>** | **<=** | **>** | **<=** | **>** | **<=** | **>** | **<=** | **>** | **<=** | **>** | **<=** | > |
| **Yes** | **0** | **3** | **0** | | **3** | **0** | **3** | **0** | **3** | **1** | **2** | **2** | **1** | **3** | **0** | **3** | **0** | **3** | **0** | **3** | **0** | **3** | **0** |
| **No** | **0** | **7** | **1** | | **6** | **2** | **5** | **3** | **4** | **3** | **4** | **3** | **4** | **3** | **4** | **4** | **3** | **5** | **2** | **6** | **1** | **7** | **0** |
| **Gini** | **0.420** | | **0.400** | | | **0.375** | | **0.343** | | **0.417** | | **0.400** | | ***0.300*** | | **0.343** | | **0.375** | | **0.400** | | **0.420** | |

even though *τ* can take any value between the minimum and maximum values of annual income in the training set, it is suﬃcient to only consider the annual income values observed in the training set as candidate split positions. For each candidate *τ* , the training set is scanned once to count the number of borrowers with annual income less than or greater than *τ* along with their class proportions. We can then compute the Gini index at each candidate split position and choose the *τ* that produces the lowest value. Computing the Gini index at each candidate split position requires *O*(*N* ) operations, where *N* is the number of training instances. Since there are at most *N* possible candidates, the overall complexity of this brute-force method is *O*(*N* 2). It is possible to reduce the complexity of this problem to *O*(*N* log *N* ) by using a method described as follows (see illustration in Figure 3.14). In this method, we ﬁrst sort the training instances based on their annual income, a one-time cost that requires *O*(*N* log *N* ) operations. The candidate split positions are given by the midpoints between every two adjacent sorted values: $55,000,

Ⓧ

Ⓧ

$65,000, $72,500, and so on. For the ﬁrst candidate, since none of the instances

has an annual income less than or equal to $55,000, the Gini index for the child node with Annual Income *<* $55,000 is equal to zero. In contrast, there are 3 training instances of class Yes and 7 instances of class No with annual income greater than $55,000. The Gini index for this node is 0.420. The weighted average Gini index for the ﬁrst candidate split position, *τ* = $55*,* 000, is equal to 0 *×* 0+1 *×* 0*.*420 = 0*.*420.

For the next candidate, *τ* = $65*,* 000, the class distribution of its child

nodes can be obtained with a simple update of the distribution for the previous candidate. This is because, as *τ* increases from $55,000 to $65,000, there is only one training instance aﬀected by the change. By examining the class label of the aﬀected training instance, the new class distribution is obtained. For example, as *τ* increases to $65,000, there is only one borrower in the training

**134 Chapter 3** Classiﬁcation

set, with an annual income of $60,000, aﬀected by this change. Since the class label for the borrower is No, the count for class No increases from 0 to 1 (for Annual Income *≤* $65,000) and decreases from 7 to 6 (for Annual Income *>*

$65,000), as shown in Figure 3.14. The distribution for the Yes class remains

unaﬀected. The updated Gini index for this candidate split position is 0.400. This procedure is repeated until the Gini index for all candidates are found. The best split position corresponds to the one that produces the lowest Gini index, which occurs at *τ* = $97*,* 500. Since the Gini index at each candidate split position can be computed in *O*(1) time, the complexity of ﬁnding the best split position is *O*(*N* ) once all the values are kept sorted, a one-time operation that takes *O*(*N* log *N* ) time. The overall complexity of this method is thus *O*(*N* log *N* ), which is much smaller than the *O*(*N* 2) time taken by the brute-force method. The amount of computation can be further reduced by considering only candidate split positions located between two adjacent sorted instances with diﬀerent class labels. For example, we do not need to consider candidate split positions located between $60,000 and $75,000 because all three instances with annual income in this range ($60,000, $70,000, and $75,000) have the same class labels. Choosing a split position within this range only increases the degree of impurity, compared to a split position located outside this range. Therefore, the candidate split positions at *τ* = $65*,* 000 and *τ* =

Ⓧ

Ⓧ

$72*,* 500 can be ignored. Similarly, we do not need to consider the candidate

split positions at $87,500, $92,500, $110,000, $122,500, and $172,500 because they are located between two adjacent instances with the same labels. This strategy reduces the number of candidate split positions to consider from 9 to 2 (excluding the two boundary cases *τ* = $55*,* 000 and *τ* = $230*,* 000).

### Gain Ratio

One potential limitation of impurity measures such as entropy and Gini index is that they tend to favor qualitative attributes with large number of distinct values. Figure 3.12 shows three candidate attributes for partitioning the data set given in Table 3.3. As previously mentioned, the attribute Marital Status is a better choice than the attribute Home Owner, because it provides a larger information gain. However, if we compare them against Customer ID, the latter produces the purest partitions with the maximum information gain, since the weighted entropy and Gini index is equal to zero for its children. Yet, Customer ID is not a good attribute for splitting because it has a unique value for each instance. Even though a test condition involving Customer ID will accurately classify every instance in the training data, we cannot use such a test condition on new test instances with Customer ID values that haven’t

**3.3** Decision Tree Classiﬁer **135**

been seen before during training. This example suggests having a low impurity value alone is insuﬃcient to ﬁnd a good attribute test condition for a node. As we will see later in Section 3.4, having more number of child nodes can make a decision tree more complex and consequently more susceptible to overﬁtting. Hence, the number of children produced by the splitting attribute should also be taken into consideration while deciding the best attribute test condition. There are two ways to overcome this problem. One way is to generate only binary decision trees, thus avoiding the diﬃculty of handling attributes with varying number of partitions. This strategy is employed by decision tree classiﬁers such as CART. Another way is to modify the splitting criterion to take into account the number of partitions produced by the attribute. For example, in the C4.5 decision tree algorithm, a measure known as **gain ratio** is used to compensate for attributes that produce a large number of child

nodes. This measure is computed as follows:

*i*=1

*N*

Σ*−*

Gain ratio =

Δinfo =

Entropy(Parent) *−* Σ*k*

*N*

*N* (*vi*) Entropy(*vi*)

2

(3.9)

Split Info

*k*

*i*=1

*N* (*vi*) log

*N* (*vi*)

*N*

where *N* (*vi*) is the number of instances assigned to node *vi* and *k* is the total number of splits. The split information measures the entropy of splitting a node into its child nodes and evaluates if the split results in a larger number of equally-sized child nodes or not. For example, if every partition has the same number of instances, then *∀i* : *N* (*vi*)*/N* = 1*/k* and the split information would be equal to log2 *k*. Thus, if an attribute produces a large number of splits, its split information is also large, which in turn, reduces the gain ratio. **Example 3.4. [Gain Ratio]** Consider the data set given in Exercise 2 on page 185. We want to select the best attribute test condition among the following three attributes: Gender, Car Type, and Customer ID. The entropy before splitting is

Ⓧ

Ⓧ

10 10 10 10

Entropy(parent) = *−* 20 log2 20 *−* 20 log2 20 = 1*.*

If Gender is used as attribute test condition:

Entropy(children) = 10 Σ *−* 6

20

10

2 10

log

6 4

*−*

2 10

10

log

4 Σ *×* 2= 0*.*971

Gain Ratio = 1 *−* 0*.*971 = 0*.*029 = 0*.*029

10 10 10 10

*−* log2 *−* log2 1

20

20

20

20

**136 Chapter 3** Classiﬁcation

If Car Type is used as attribute test condition:

Entropy(children) = 4 Σ *−* 1 log 1 *−* 3 log

20

4

2 4

4

3 Σ + 8 *×* 0

+ 8 Σ *−* 1 log 1 *−* 7 log 7 Σ = 0*.*380

2 4

20

20

8

2 8

8

2 8

Gain Ratio = 1 *−* 0*.*380 = 0*.*620 = 0*.*41

4 log2 4

*−*

20

*−*

20

*−*

20

20

20

20

8 log2 8

8 log2 8

1*.*52

Finally, if Customer ID is used as attribute test condition:

2 1

Entropy(children) = 1 Σ *−* 1 log 1 *−* 0 log

20

1

2 1

1

0 Σ *×* 20 = 0

Gain Ratio = 1 *−* 0 = 1

= 0*.*23

1 log2 1

*−*

20

20

*×* 20

4*.*32

Thus, even though Customer ID has the highest information gain, its gain ratio is lower than Car Type since it produces a larger number of splits.

## Algorithm for Decision Tree Induction

Ⓧ

Ⓧ

Algorithm 3.1 presents a pseudocode for decision tree induction algorithm. The input to this algorithm is a set of training instances *E* along with the attribute set *F* . The algorithm works by recursively selecting the best attribute to split the data (Step 7) and expanding the nodes of the tree (Steps 11 and 12) until the stopping criterion is met (Step 1). The details of this algorithm are explained below.

1. The createNode() function extends the decision tree by creating a new node. A node in the decision tree either has a test condition, denoted as *node.test cond*, or a class label, denoted as *node.label*.
2. The find best split() function determines the attribute test condi- tion for partitioning the training instances associated with a node. The splitting attribute chosen depends on the impurity measure used. The popular measures include entropy and the Gini index.
3. The Classify() function determines the class label to be assigned to a leaf node. For each leaf node *t*, let *p*(*i|t*) denote the fraction of training instances from class *i* associated with the node *t*. The label assigned

**3.3** Decision Tree Classiﬁer **137**

**Algorithm 3.1** A skeleton decision tree induction algorithm.

TreeGrowth (*E*, *F* )

1: **if** stopping cond(*E*,*F* ) = *true* **then**

2: *leaf* = createNode().

3: *leaf.label* = Classify(*E*).

4: return *leaf* .

5: **else**

6: *root* = createNode().

7: *root.test cond* = find best split(*E*, *F* ).

8: let *V* = *{v|v* is a possible outcome of *root.test cond }*.

9: **for** each *v ∈ V* **do**

10: *Ev* = *{e | root.test cond*(*e*)= *v* and *e ∈ E}*.

11: *child* = TreeGrowth(*Ev*, *F* ).

12: add *child* as descendent of *root* and label the edge (*root child*) as *v*.

*→*

13: **end for**

14: **end if**

15: return *root*.

to the leaf node is typically the one that occurs most frequently in the

training instances that are associated with this node.

Ⓧ

Ⓧ

*leaf.label* = argmax *p*(*i t*)*,* (3.10)

*|*

*i*

where the argmax operator returns the class *i* that maximizes *p*(*i|t*). Besides providing the information needed to determine the class label of a leaf node, *p*(*i|t*) can also be used as a rough estimate of the probability that an instance assigned to the leaf node *t* belongs to class *i*. Sections

4.11.2 and 4.11.4 in the next chapter describe how such probability

estimates can be used to determine the performance of a decision tree under diﬀerent cost functions.

1. The stopping cond() function is used to terminate the tree-growing process by checking whether all the instances have identical class label or attribute values. Since decision tree classiﬁers employ a top-down, recursive partitioning approach for building a model, the number of training instances associated with a node decreases as the depth of the tree increases. As a result, a leaf node may contain too few training instances to make a statistically signiﬁcant decision about its class label. This is known as the **data fragmentation** problem. One way to avoid this problem is to disallow splitting of a node when the number of instances associated with the node fall below a certain threshold. A

**138 Chapter 3** Classiﬁcation

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Session | IP Address | Timestamp | Request Method | Requested Web Page | Protocol | Status | Number of Bytes | Referrer | User Agent |
| 1 | 160.11.11.11 | 08/Aug/2004  10:15:21 | GET | <http://www.cs.umn.edu/>  ~kumar | HTTP/1.1 | 200 | 6424 |  | Mozilla/4.0 (compatible; MSIE 6.0;  Windows NT 5.0) |
| 1 | 160.11.11.11 | 08/Aug/2004  10:15:34 | GET | <http://www.cs.umn.edu/>  ~kumar/MINDS | HTTP/1.1 | 200 | 41378 | <http://www.cs.umn.edu/>  ~kumar | Mozilla/4.0 (compatible; MSIE 6.0;  Windows NT 5.0) |
| 1 | 160.11.11.11 | 08/Aug/2004  10:15:41 | GET | <http://www.cs.umn.edu/>  ~kumar/MINDS/MINDS  \_papers.htm | HTTP/1.1 | 200 | 1018516 | <http://www.cs.umn.edu/>  ~kumar/MINDS | Mozilla/4.0 (compatible; MSIE 6.0;  Windows NT 5.0) |
| 1 | 160.11.11.11 | 08/Aug/2004  10:16:11 | GET | <http://www.cs.umn.edu/>  ~kumar/papers/papers. html | HTTP/1.1 | 200 | 7463 | <http://www.cs.umn.edu/>  ~kumar | Mozilla/4.0 (compatible; MSIE 6.0;  Windows NT 5.0) |
| 2 | 35.9.2.2 | 08/Aug/2004  10:16:15 | GET | <http://www.cs.umn.edu/>  ~steinbac | HTTP/1.0 | 200 | 3149 |  | Mozilla/5.0 (Windows; U; Windows NT 5.1; en-US; rv:1.7) Gecko/20040616 |

1. Example of a Web server log.

|  |  |
| --- | --- |
| Attribute Name | Description |
| totalPages | Total number of pages retrieved in a Web session |
| ImagePages | Total number of image pages retrieved in a Web session |
| TotalTime | Total amount of time spent by Web site visitor |
| RepeatedAccess | The same page requested more than once in a Web session |
| ErrorRequest | Errors in requesting for Web pages |
| GET | Percentage of requests made using GET method |
| POST | Percentage of requests made using POST method |
| HEAD | Percentage of requests made using HEAD method |
| Breadth | Breadth of Web traversal |
| Depth | Depth of Web traversal |
| MultilP | Session with multiple IP addresses |
| MultiAgent | Session with multiple user agents |

<http://www.cs.umn.edu/~kumar>

MINDS



papers/papers.html

MINDS/MINDS\_papers.htm

Ⓧ

Ⓧ

1. Graph of a Web session. (c) Derived attributes for Web robot detection.

**Figure 3.15.** Input data for web robot detection.

more systematic way to control the size of a decision tree (number of leaf nodes) will be discussed in Section 3.5.4.

## Example Application: Web Robot Detection

Consider the task of distinguishing the access patterns of web robots from those generated by human users. A web robot (also known as a web crawler) is a software program that automatically retrieves ﬁles from one or more websites by following the hyperlinks extracted from an initial set of seed URLs. These programs have been deployed for various purposes, from gathering web pages on behalf of search engines to more malicious activities such as spamming and committing click frauds in online advertisements.

The web robot detection problem can be cast as a binary classiﬁcation

task. The input data for the classiﬁcation task is a web server log, a sample of which is shown in Figure 3.15(a). Each line in the log ﬁle corresponds to a

**3.3** Decision Tree Classiﬁer **139**

request made by a client (i.e., a human user or a web robot) to the web server. The ﬁelds recorded in the web log include the client’s IP address, timestamp of the request, URL of the requested ﬁle, size of the ﬁle, and **user agent**, which is a ﬁeld that contains identifying information about the client. For human users, the user agent ﬁeld speciﬁes the type of web browser or mobile device used to fetch the ﬁles, whereas for web robots, it should technically contain the name of the crawler program. However, web robots may conceal their true identities by declaring their user agent ﬁelds to be identical to known browsers. Therefore, user agent is not a reliable ﬁeld to detect web robots.

The ﬁrst step toward building a classiﬁcation model is to precisely deﬁne a

data instance and associated attributes. A simple approach is to consider each log entry as a data instance and use the appropriate ﬁelds in the log ﬁle as its attribute set. This approach, however, is inadequate for several reasons. First, many of the attributes are nominal-valued and have a wide range of domain values. For example, the number of unique client IP addresses, URLs, and referrers in a log ﬁle can be very large. These attributes are undesirable for building a decision tree because their split information is extremely high (see Equation (3.9)). In addition, it might not be possible to classify test instances containing IP addresses, URLs, or referrers that are not present in the training data. Finally, by considering each log entry as a separate data instance, we disregard the sequence of web pages retrieved by the client—a critical piece of information that can help distinguish web robot accesses from those of a human user.

Ⓧ

Ⓧ

A better alternative is to consider each web session as a data instance.

A web session is a sequence of requests made by a client during a given visit to the website. Each web session can be modeled as a directed graph, in which the nodes correspond to web pages and the edges correspond to hyperlinks connecting one web page to another. Figure 3.15(b) shows a graph- ical representation of the ﬁrst web session given in the log ﬁle. Every web session can be characterized using some meaningful attributes about the graph that contain discriminatory information. Figure 3.15(c) shows some of the attributes extracted from the graph, including the depth and breadth of its corresponding tree rooted at the entry point to the website. For example, the depth and breadth of the tree shown in Figure 3.15(b) are both equal to two. The derived attributes shown in Figure 3.15(c) are more informative than the original attributes given in the log ﬁle because they characterize the behavior of the client at the website. Using this approach, a data set containing 2916 instances was created, with equal numbers of sessions due to web robots (class 1) and human users (class 0). 10% of the data were reserved for training while the remaining 90% were used for testing. The induced decision tree is

**140 Chapter 3** Classiﬁcation

shown in Figure 3.16, which has an error rate equal to 3.8% on the training set and 5.3% on the test set. In addition to its low error rate, the tree also reveals some interesting properties that can help discriminate web robots from human users:

1. Accesses by web robots tend to be broad but shallow, whereas accesses by human users tend to be more focused (narrow but deep).
2. Web robots seldom retrieve the image pages associated with a web page.
3. Sessions due to web robots tend to be long and contain a large number of requested pages.
4. Web robots are more likely to make repeated requests for the same web page than human users since the web pages retrieved by human users are often cached by the browser.

## Characteristics of Decision Tree Classiﬁers

The following is a summary of the important characteristics of decision tree induction algorithms.

Ⓧ

Ⓧ

1. **Applicability:** Decision trees are a nonparametric approach for building classiﬁcation models. This approach does not require any prior assump- tion about the probability distribution governing the class and attributes of the data, and thus, is applicable to a wide variety of data sets. It is also applicable to both categorical and continuous data without requiring the attributes to be transformed into a common representation via binariza- tion, normalization, or standardization. Unlike some binary classiﬁers described in Chapter 4, it can also deal with multiclass problems without the need to decompose them into multiple binary classiﬁcation tasks. Another appealing feature of decision tree classiﬁers is that the induced trees, especially the shorter ones, are relatively easy to interpret. The accuracies of the trees are also quite comparable to other classiﬁcation techniques for many simple data sets.
2. **Expressiveness:** A decision tree provides a universal representation for discrete-valued functions. In other words, it can encode any func- tion of discrete-valued attributes. This is because every discrete-valued function can be represented as an assignment table, where every unique combination of discrete attributes is assigned a class label. Since every

**3.3** Decision Tree Classiﬁer **141**

**Decision Tree:**

depth = 1:

| breadth> 7 : **class 1**

| breadth<= 7:

| | breadth <= 3:

| | | ImagePages> 0.375: **class 0**

| | | ImagePages<= 0.375:

| | | | totalPages<= 6: **class 1**

| | | | totalPages> 6:

| | | | | breadth <= 1: **class 1**

| | | | | breadth > 1: **class 0**

| | width > 3:

| | | MultilP = 0:

| | | | ImagePages<= 0.1333: **class 1**

| | | | ImagePages> 0.1333:

| | | | breadth <= 6: **class 0**

| | | | breadth > 6: **class 1**

| | | MultilP = 1:

| | | | TotalTime <= 361: **class 0**

| | | | TotalTime > 361: **class 1**

depth> 1:

| MultiAgent = 0:

| | depth > 2: **class 0**

| | depth < 2:

| | | MultilP = 1: **class 0**

| | | MultilP = 0:

| | | | breadth <= 6: **class 0**

| | | | breadth > 6:

| | | | | RepeatedAccess <= 0.322: **class 0**

| | | | | RepeatedAccess > 0.322: **class 1**

| MultiAgent = 1:

| | totalPages <= 81: **class 0**

| | totalPages > 81: **class 1**

Ⓧ

Ⓧ

**Figure 3.16.** Decision tree model for web robot detection.

combination of attributes can be represented as a leaf in the decision tree, we can always ﬁnd a decision tree whose label assignments at the leaf nodes matches with the assignment table of the original function. Decision trees can also help in providing compact representations of functions when some of the unique combinations of attributes can be represented by the same leaf node. For example, Figure 3.17 shows the assignment table of the Boolean function (*A∧B*)*∨*(*C∧D*) involving four binary attributes, resulting in a total of 2 = 16 possible assignments. The tree shown in Figure 3.17 shows a compressed encoding of this assignment table. Instead of requiring a fully-grown tree with 16 leaf nodes, it is possible to encode the function using a simpler tree with only 7 leaf nodes. Nevertheless, not all decision trees for discrete-valued attributes can be simpliﬁed. One notable example is the parity function,

4

**142 Chapter 3** Classiﬁcation



A

0

1

C

B

0 1

0

1

D

C

0

1

0

1

D

0 1

1

0

0

1

0

1

0

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **class** |
| 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 0 | 0 | 1 | 1 | 1 |
| 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 0 | 1 | 0 | 1 | 0 |
| 0 | 1 | 1 | 0 | 0 |
| 0 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| 1 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 1 | 0 | 1 | 1 | 1 |
| 1 | 1 | 0 | 0 | 1 |
| 1 | 1 | 0 | 1 | 1 |
| 1 | 1 | 1 | 0 | 1 |
| 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |

**Figure 3.17.** Decision tree for the Boolean function (*A ∧ B*) *∨* (*C ∧ D*).

whose value is 1 when there is an even number of true values among its Boolean attributes, and 0 otherwise. Accurate modeling of such a function requires a full decision tree with 2*d* nodes, where *d* is the number of Boolean attributes (see Exercise 1 on page 185).

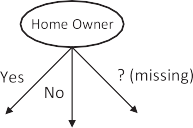
1. **Computational Eﬃciency:** Since the number of possible decision trees can be very large, many decision tree algorithms employ a heuristic- based approach to guide their search in the vast hypothesis space. For example, the algorithm presented in Section 3.3.4 uses a greedy, top- down, recursive partitioning strategy for growing a decision tree. For many data sets, such techniques quickly construct a reasonably good decision tree even when the training set size is very large. Furthermore, once a decision tree has been built, classifying a test record is extremely fast, with a worst-case complexity of *O*(*w*), where *w* is the maximum depth of the tree.

Ⓧ

Ⓧ

1. **Handling Missing Values:** A decision tree classiﬁer can handle miss- ing attribute values in a number of ways, both in the training and the test sets. When there are missing values in the test set, the classiﬁer must decide which branch to follow if the value of a splitting node attribute is missing for a given test instance. One approach, known as the **probabilistic split method**, which is employed by the C4.5 decision tree classiﬁer, distributes the data instance to every child of the splitting node according to the probability that the missing attribute has a particular value. In contrast, the CART algorithm uses the **surrogate split method**, where the instance whose splitting attribute value is

**3.3** Decision Tree Classiﬁer **143**

10 10

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Home Owner** | **Marital Status** | **Annual Income** |
| ? | Single | 79K |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Home Owner** | **Marital Status** | **Annual Income** |
| ? | Single | 79K |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Home Owner** | **Marital Status** | **Annual Income** |
| ? | Single | 79K |



**Figure 3.18.** Methods for handling missing attribute values in decision tree classifier.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Home Owner** | **Marital Status** | **Annual Income** |
| ? | Single | 79K |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Home Owner** | **Marital Status** | **Annual Income** |
| ? | Single | 79K |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Home Owner** | **Marital Status** | **Annual Income** |
| ? | Single | 79K |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Home Owner** | **Marital Status** | **Annual Income** |
| ? | Single | 79K |

missing is assigned to one of the child nodes based on the value of another non-missing surrogate attribute whose splits most resemble the partitions made by the missing attribute. Another approach, known as the **separate class method** is used by the CHAID algorithm, where the missing value is treated as a separate categorical value distinct from other values of the splitting attribute. Figure 3.18 shows an example of the three diﬀerent ways for handling missing values in a decision tree classiﬁer. Other strategies for dealing with missing values are based on data preprocessing, where the instance with missing value is either im- puted with the mode (for categorical attribute) or mean (for continuous attribute) value or discarded before the classiﬁer is trained.

Ⓧ

Ⓧ

During training, if an attribute *v* has missing values in some of the training instances associated with a node, we need a way to measure the gain in purity if *v* is used for splitting. One simple way is to exclude instances with missing values of *v* in the counting of instances associated with every child node, generated for every possible outcome of *v*. Further, if *v* is chosen as the attribute test condition at a node, training instances with missing values of *v* can be propagated to the child nodes using any of the methods described above for handling missing values in test instances.

1. **Handling Interactions among Attributes:** Attributes are consid- ered interacting if they are able to distinguish between classes when used together, but individually they provide little or no information. Due to the greedy nature of the splitting criteria in decision trees, such attributes could be passed over in favor of other attributes that are not as useful. This could result in more complex decision trees than necessary.

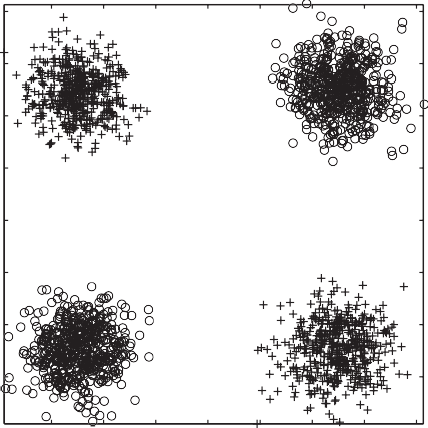
**144 Chapter 3** Classiﬁcation

Hence, decision trees can perform poorly when there are interactions among attributes.

To illustrate this point, consider the three-dimensional data shown in Figure 3.19(a), which contains 2000 data points from one of two classes, denoted as + and *◦* in the diagram. Figure 3.19(b) shows the distribution of the two classes in the two-dimensional space involving attributes *X* and *Y* , which is a noisy version of the XOR Boolean function. We can see that even though the two classes are well-separated in this two-dimensional space, neither of the two attributes contain suﬃcient information to distinguish between the two classes when used alone. For example, the entropies of the following attribute test conditions: *X ≤* 10 and *Y ≤* 10, are close to 1, indicating that neither *X* nor *Y* provide any reduction in the impurity measure when used individually. *X* and *Y* thus represent a case of interaction among attributes. The data set also contains a third attribute, *Z*, in which both classes are distributed uniformly, as shown in Figures 3.19(c) and 3.19(d), and hence, the entropy of any split involving *Z* is close to 1. As a result, *Z* is as likely to be chosen for splitting as the interacting but useful attributes, *X* and *Y* . For further illustration of this issue, readers are referred to Example 3.7 in Section 3.4.1 and Exercise 7 at the end of this chapter.

Ⓧ

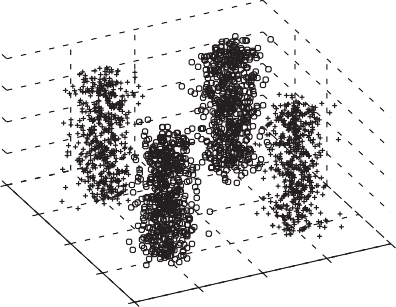
Ⓧ

1. **Handling Irrelevant Attributes:** An attribute is irrelevant if it is not useful for the classiﬁcation task. Since irrelevant attributes are poorly associated with the target class labels, they will provide little or no gain in purity and thus will be passed over by other more relevant features. Hence, the presence of a small number of irrelevant attributes will not impact the decision tree construction process. However, not all attributes that provide little to no gain are irrelevant (see Figure 3.19). Hence, if the classiﬁcation problem is complex (e.g., involving interactions among attributes) and there are a large number of irrelevant attributes, then some of these attributes may be accidentally chosen during the tree- growing process, since they may provide a better gain than a relevant attribute just by random chance. Feature selection techniques can help to improve the accuracy of decision trees by eliminating the irrelevant attributes during preprocessing. We will investigate the issue of too many irrelevant attributes in Section 3.4.1.
2. **Handling Redundant Attributes:** An attribute is redundant if it is strongly correlated with another attribute in the data. Since redundant
   1. Decision Tree Classiﬁer **145**

18

16

14



15

10

15

5

10

Y

5

0 0

20 12

15

10 10

Z

5

8

0

20

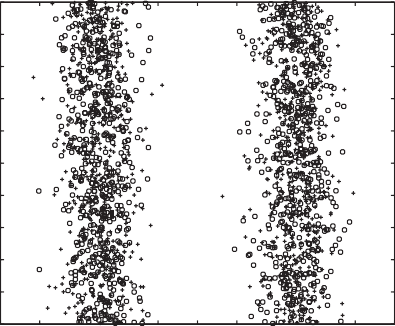
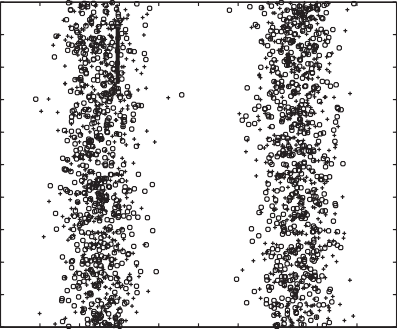
6

20

4

X 4 6 8 10 12 14 16 18

1. Three-dimensional data with at- tributes *X*, *Y* , and *Z*.
2. *X* and *Y* .

20 20

18 18

16 16



Ⓧ



Ⓧ

14 14

12 12

10 10

Z

Z

8 8

6 6

4 4

2 2

0

0 2 4

6 8 10 12 14

X

16 18 20

0

0 2 4

6 8 10 12 14

Y

16 18 20

1. *X* and *Z*. (d) *Y* and *Z*.

**Figure 3.19.** Example of a XOR data involving *X* and *Y* , along with an irrelevant attribute *Z*.

attributes show similar gains in purity if they are selected for splitting, only one of them will be selected as an attribute test condition in the decision tree algorithm. Decision trees can thus handle the presence of redundant attributes.

1. **Using Rectilinear Splits:** The test conditions described so far in this chapter involve using only a single attribute at a time. As a consequence,

**146 Chapter 3** Classiﬁcation

1

0.9

x < 0.43

Yes

No

y < 0.47

y < 0.33

Yes

No

Yes

No

:4

:0

:0

:3

:0

:4

:4

:0

0.8

0.7

0.6

0.5

**y**

0.4

0.3

0.2

0.1

0

0 0.1 0.2 0.3 0.4 0.5 0.6 0.7 0.8 0.9 1

**x**

**Figure 3.20.** Example of a decision tree and its decision boundaries for a two-dimensional data set.

the tree-growing procedure can be viewed as the process of partitioning the attribute space into disjoint regions until each region contains records of the same class. The border between two neighboring regions of dif- ferent classes is known as a **decision boundary**. Figure 3.20 shows the decision tree as well as the decision boundary for a binary classiﬁca- tion problem. Since the test condition involves only a single attribute, the decision boundaries are rectilinear; i.e., parallel to the coordinate axes. This limits the expressiveness of decision trees in representing decision boundaries of data sets with continuous attributes. Figure 3.21 shows a two-dimensional data set involving binary classes that cannot be perfectly classiﬁed by a decision tree whose attribute test conditions are deﬁned based on single attributes. The binary classes in the data set are generated from two skewed Gaussian distributions, centered at (8,8) and (12,12), respectively. The true decision boundary is represented by the diagonal dashed line, whereas the rectilinear decision boundary produced by the decision tree classiﬁer is shown by the thick solid line. In contrast, an **oblique decision tree** may overcome this limitation by allowing the test condition to be speciﬁed using more than one attribute. For example, the binary classiﬁcation data shown in Figure 3.21 can be easily represented by an oblique decision tree with a single root node

Ⓧ

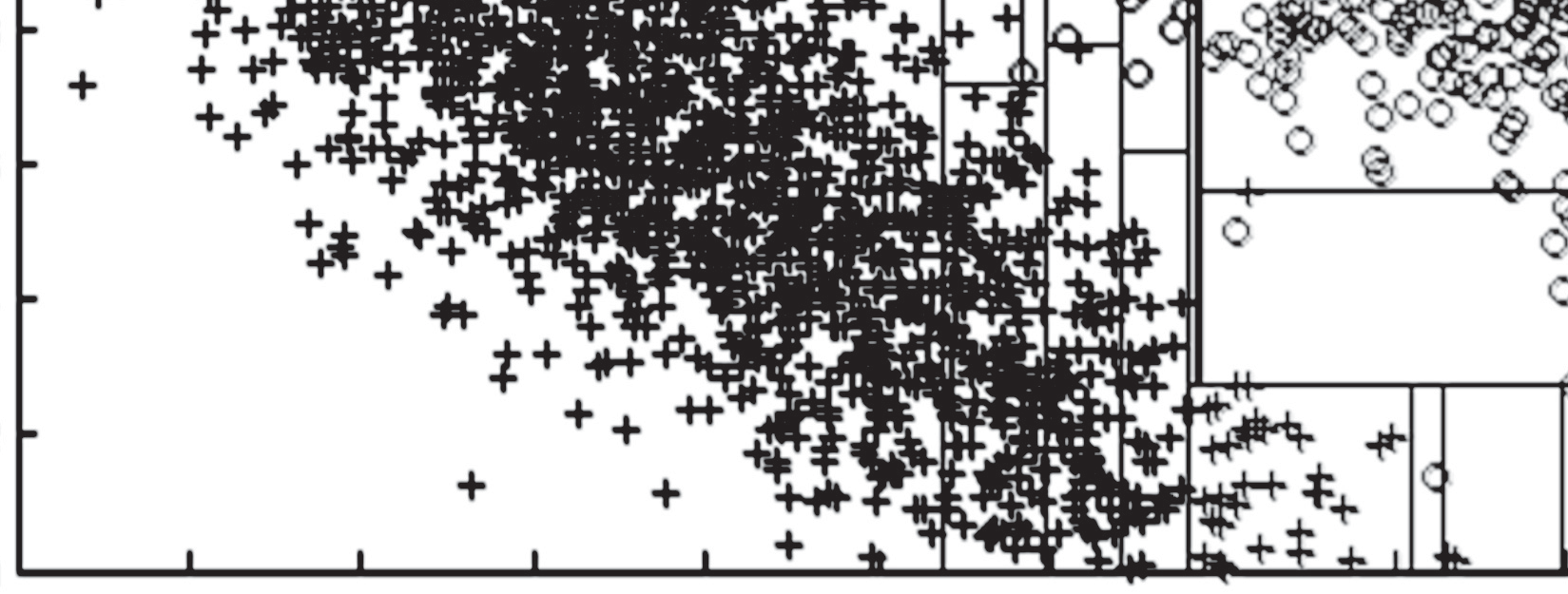
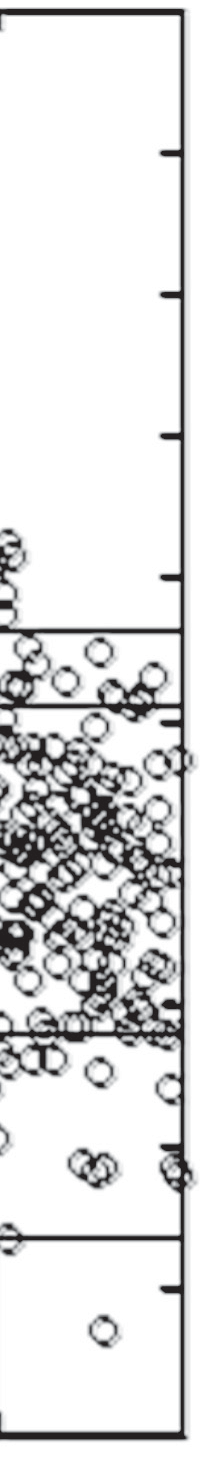
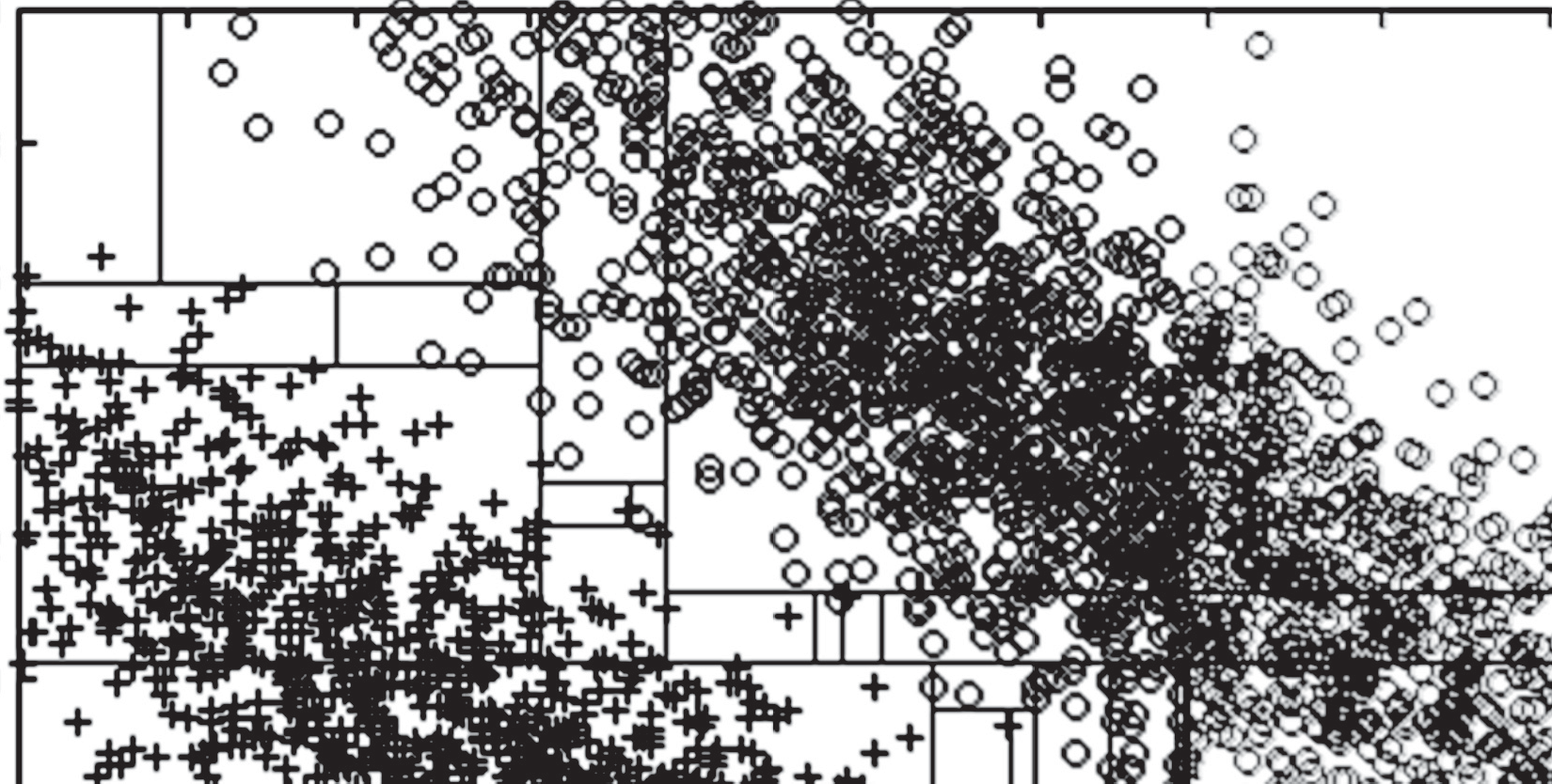
Ⓧ

with test condition

*x* + *y <* 20*.*

* 1. Model Overﬁtting **147**

20



18

16

14

12

10

8

6

4

2

0

0 2 4 6 8 10 12 14 16 18 20

**Figure 3.21.** Example of data set that cannot be partitioned optimally using a decision tree with single attribute test conditions. The true decision boundary is shown by the dashed line.

Ⓧ

Ⓧ

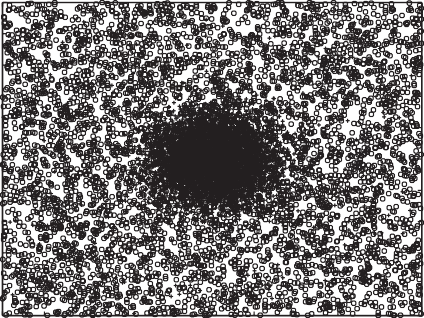
Although an oblique decision tree is more expressive and can produce more compact trees, ﬁnding the optimal test condition is computation- ally more expensive.

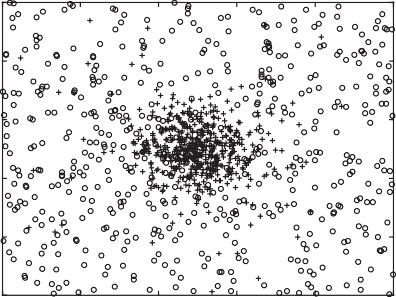
1. **Choice of Impurity Measure:** It should be noted that the choice of impurity measure often has little eﬀect on the performance of decision tree classiﬁers since many of the impurity measures are quite consistent with each other, as shown in Figure 3.11 on page 129. Instead, the strategy used to prune the tree has a greater impact on the ﬁnal tree than the choice of impurity measure.

# Model Overﬁtting

Methods presented so far try to learn classiﬁcation models that show the lowest error on the training set. However, as we will show in the following example, even if a model ﬁts well over the training data, it can still show poor generalization performance, a phenomenon known as model overﬁtting.

**148 Chapter 3** Classiﬁcation

20

20

18

16

16

14

12

12

10

8

8

6

4 4

2

0

0 2 4 6 8 10 12 14 16 18 20

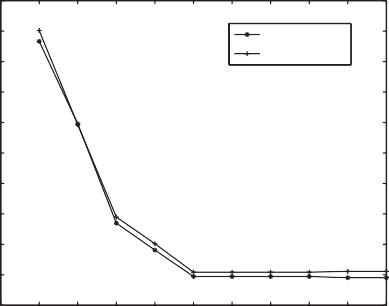
0

0 4 8 12 16 20

1. Example of a 2-D data. (b) Training set using 10% data.

**Figure 3.22.** Examples of training and test sets of a two-dimensional classification problem.

0.55



Training Error Test Error

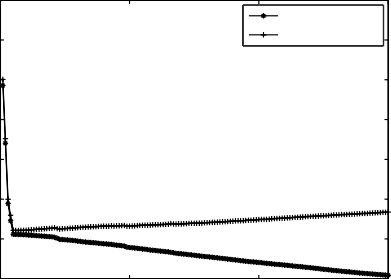
0.5

0.45

**0.6**



Ⓧ



**Training Error**

**Test Error**

0.4



Ⓧ

0.35

Error rate

**0.5**

**Error rate**

0.3

**0.4**

0.25 **0.3**

0.2

0.15

**0.2**

0.1

**0.1**

0.05

0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Size of tree (number of leaf nodes)

**0**

**0 50 100 150**

**Size of tree (number of leaf nodes)**

(a) Varying tree size from 1 to 8. (b) Varying tree size from 1 to 150.

**Figure 3.23.** Effect of varying tree size (number of leaf nodes) on training and test errors.

**Example 3.5. [Overﬁtting and Underﬁtting of Decision Trees]** Con- sider the two-dimensional data set shown in Figure 3.22(a). The data set contains instances that belong to two separate classes, represented as + and o, respectively, where each class has 5400 instances. All instances belonging to the o class were generated from a uniform distribution. For the + class, 5000 instances were generated from a Gaussian distribution centered at (10,10) with unit variance, while the remaining 400 instances were sampled from the same uniform distribution as the o class. We can see from Figure 3.22(a) that

**3.4** Model Overﬁtting **149**

the + class can be largely distinguished from the o class by drawing a circle of appropriate size centered at (10,10). To learn a classiﬁer using this two- dimensional data set, we randomly sampled 10% of the data for training and used the remaining 90% for testing. The training set, shown in Figure 3.22(b), looks quite representative of the overall data. We used Gini index as the impurity measure to construct decision trees of increasing sizes (number of leaf nodes), by recursively expanding a node into child nodes till every leaf node was pure, as described in Section 3.3.4.

Figure 3.23(a) shows changes in the training and test error rates as the

size of the tree varies from 1 to 8. Both error rates are initially large when the tree has only one or two leaf nodes. This situation is known as **model underﬁtting**. Underﬁtting occurs when the learned decision tree is too sim- plistic, and thus, incapable of fully representing the true relationship between the attributes and the class labels. As we increase the tree size from 1 to 8, we can observe two eﬀects. First, both the error rates decrease since larger trees are able to represent more complex decision boundaries. Second, the training and test error rates are quite close to each other, which indicates that the performance on the training set is fairly representative of the generalization performance. As we further increase the size of the tree from 8 to 150, the training error continues to steadily decrease till it eventually reaches zero, as shown in Figure 3.23(b). However, in a striking contrast, the test error rate ceases to decrease any further beyond a certain tree size, and then it begins to increase. The training error rate thus grossly under-estimates the test error rate once the tree becomes too large. Further, the gap between the training and test error rates keeps on widening as we increase the tree size. This behavior, which may seem counter-intuitive at ﬁrst, can be attributed to the phenomena of **model overﬁtting**.

Ⓧ

Ⓧ

## Reasons for Model Overﬁtting

Model overﬁtting is the phenomena where, in the pursuit of minimizing the training error rate, an overly complex model is selected that captures speciﬁc patterns in the training data but fails to learn the *true* nature of relationships between attributes and class labels in the overall data. To illustrate this, Figure

3.24 shows decision trees and their corresponding decision boundaries (shaded

rectangles represent regions assigned to the + class) for two trees of sizes 5 and 50. We can see that the decision tree of size 5 appears quite simple and its decision boundaries provide a reasonable approximation to the ideal decision boundary, which in this case corresponds to a circle centered around

**150 Chapter 3** Classiﬁcation

o

x1 < 6.45956

x1 < 13.1086

x2 < 7.03548

o

x2 < 14.3129

x1 < 6.45956

x1 < 13.1086

o

x2 < 7.03548

o

x1 < 12.4659

x2 < 14.3129

x2 < 0.285616

+

x1 < 7.64958

o

x2 < 2.86603

x2 < 8.45905

+

x2 < 2.96728

x1 < 12.3452

x1 < 9.43874

o

o

x2 < 10.9661

x2 < 12.7577

x1 < 10.7076

x1 < 7.38542

+

o +

x2 < 12.9969

x2 < 13.1288

x2 < 10.7574

x1 < 12.3855

x1 < 12.5313

o

x1 < 12.762

o

x1 < 10.4964

o

x1 < 7.26296

+

x2 < 3.69176

x2 < 9.86064

+

o x2 < 7.57747 x1 <+1o1.2719

+

x1 < 8.63557

+

x2 < 4.85814

o x1 < 9.33549

o

x2 < 9.80473

+

x2 < 9.5916

o

x2 < 8.62807

x2 < 7.52895

x2 <+ 13.4189 x1 < 13.0418 +

+

x1 < 12.8101

x1 < 10.9163

x1 < 10.1716

o +

+

+

+

x1 < 10.8417

o

x1 < 12.8821

x1 < 11.5624

x1 < 8.84039 x1 < 6.69865

o +

o +

x1 < 8.77637 x1 < 6.86874

+ o

o

x1 < 12.9622

+ o +

x1 < 13.004

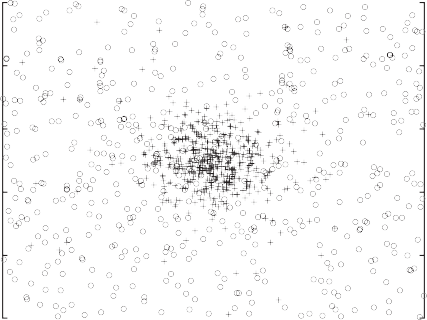
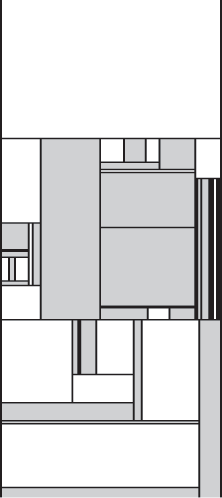
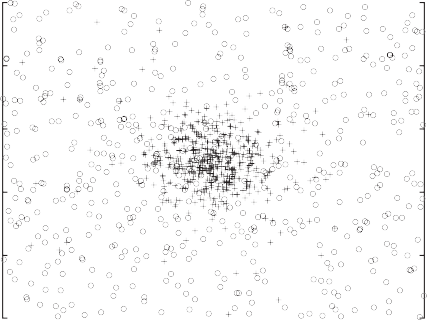
o

o

+ o + o + o + o

1. Decision tree with 5 leaf nodes.
2. Decision tree with 50 leaf nodes.

20 20



16 16

Ⓧ

Ⓧ

12 12

8 8

4 4

0

0 4 8 12 16 20

0

0 4 8 12 16 20

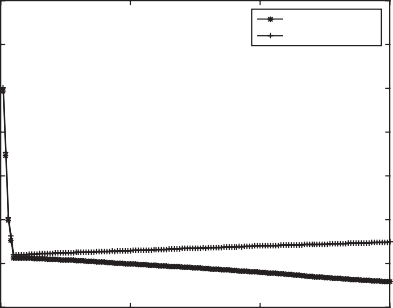
1. Decision boundary for tree with 5 leaf nodes.
2. Decision boundary for tree with 50 leaf nodes.

**Figure 3.24.** Decision trees with different model complexities.

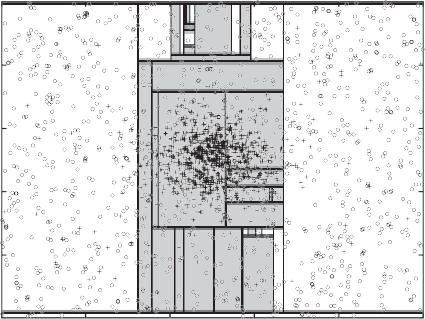
the Gaussian distribution at (10, 10). Although its training and test error rates are non-zero, they are very close to each other, which indicates that the patterns learned in the training set should generalize well over the test set. On the other hand, the decision tree of size 50 appears much more complex than the tree of size 5, with complicated decision boundaries. For example, some of its shaded rectangles (assigned the + class) attempt to cover narrow regions in the input space that contain only one or two + training instances. Note that

**3.4** Model Overﬁtting **151**

0.7



Training Error Test Error

20

0.6

16

0.5

12 0.4

Error rate

0.3

8

0.2

4 0.1

0

0 50

100

150

0

0 4 8 12 16 20

Size of tree (number of leaf nodes)

1. Decision boundary for tree with

50 leaf nodes using 20% data for training.

1. Training and test error rates using 20% data for training.

**Figure 3.25.** Performance of decision trees using 20% data for training (twice the original training size).

the prevalence of + instances in such regions is highly speciﬁc to the training set, as these regions are mostly dominated by - instances in the overall data. Hence, in an attempt to perfectly ﬁt the training data, the decision tree of size 50 starts ﬁne tuning itself to speciﬁc patterns in the training data, leading to poor performance on an independently chosen test set.



Ⓧ



Ⓧ

There are a number of factors that inﬂuence model overﬁtting. In the

following, we provide brief descriptions of two of the major factors: limited training size and high model complexity. Though they are not exhaustive, the interplay between them can help explain most of the common model overﬁtting phenomena in real-world applications.

### Limited Training Size

Note that a training set consisting of a ﬁnite number of instances can only provide a limited representation of the overall data. Hence, it is possible that the patterns learned from a training set do not fully represent the true patterns in the overall data, leading to model overﬁtting. In general, as we increase the size of a training set (number of training instances), the patterns learned from the training set start resembling the true patterns in the overall data. Hence, the eﬀect of overﬁtting can be reduced by increasing the training size, as illustrated in the following example.

**152 Chapter 3** Classiﬁcation

**Example 3.6. [Eﬀect of Training Size]** Suppose that we use twice the number of training instances than what we had used in the experiments conducted in Example 3.5. Speciﬁcally, we use 20% data for training and use the remainder for testing. Figure 3.25(b) shows the training and test error rates as the size of the tree is varied from 1 to 150. There are two major diﬀerences in the trends shown in this ﬁgure and those shown in Figure 3.23(b) (using only 10% of the data for training). First, even though the training error rate decreases with increasing tree size in both ﬁgures, its rate of decrease is much smaller when we use twice the training size. Second, for a given tree size, the gap between the training and test error rates is much smaller when we use twice the training size. These diﬀerences suggest that the patterns learned using 20% of data for training are more generalizable than those learned using 10% of data for training.

Figure 3.25(a) shows the decision boundaries for the tree of size 50, learned

using 20% of data for training. In contrast to the tree of the same size learned using 10% data for training (see Figure 3.24(d)), we can see that the decision tree is not capturing speciﬁc patterns of noisy + instances in the training set. Instead, the high model complexity of 50 leaf nodes is being eﬀectively used to learn the boundaries of the + instances centered at (10, 10).

Ⓧ

Ⓧ

### High Model Complexity

Generally, a more complex model has a better ability to represent complex patterns in the data. For example, decision trees with larger number of leaf nodes can represent more complex decision boundaries than decision trees with fewer leaf nodes. However, an overly complex model also has a tendency to learn speciﬁc patterns in the training set that do not generalize well over unseen instances. Models with high complexity should thus be judiciously used to avoid overﬁtting.

One measure of model complexity is the number of “parameters” that

need to be inferred from the training set. For example, in the case of decision tree induction, the attribute test conditions at internal nodes correspond to the parameters of the model that need to be inferred from the training set. A decision tree with larger number of attribute test conditions (and consequently more leaf nodes) thus involves more “parameters” and hence is more complex. Given a class of models with a certain number of parameters, a learning algorithm attempts to select the best combination of parameter values that maximizes an evaluation metric (e.g., accuracy) over the training set. If the number of parameter value combinations (and hence the complexity) is large,

**3.4** Model Overﬁtting **153**

the learning algorithm has to select the best combination from a large number of possibilities, using a limited training set. In such cases, there is a high chance for the learning algorithm to pick a *spurious* combination of parameters that maximizes the evaluation metric just by random chance. This is similar to the **multiple comparisons problem** (also referred as multiple testing problem) in statistics.

As an illustration of the multiple comparisons problem, consider the task

of predicting whether the stock market will rise or fall in the next ten trading days. If a stock analyst simply makes random guesses, the probability that her prediction is correct on any trading day is 0.5. However, the probability that she will predict correctly at least nine out of ten times is

which is extremely low.

9 10

210

.10Σ + .10Σ

= 0*.*0107*,*

Suppose we are interested in choosing an investment advisor from a pool of

200 stock analysts. Our strategy is to select the analyst who makes the most number of correct predictions in the next ten trading days. The ﬂaw in this strategy is that even if all the analysts make their predictions in a random fashion, the probability that at least one of them makes at least nine correct

Ⓧ

Ⓧ

predictions is

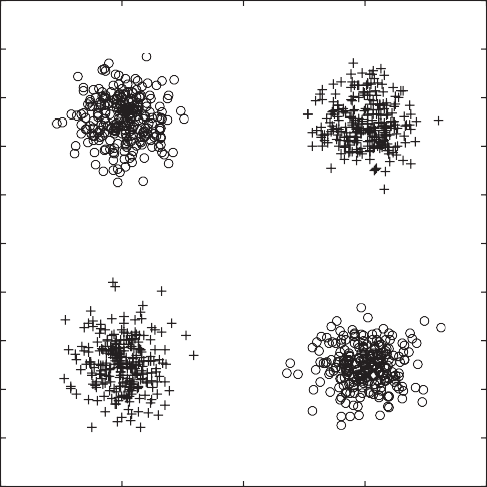
1 *−* (1 *−* 0*.*0107)200 = 0*.*8847*,*

which is very high. Although each analyst has a low probability of predicting at least nine times correctly, considered together, we have a high probability of ﬁnding at least one analyst who can do so. However, there is no guarantee in the future that such an analyst will continue to make accurate predictions by random guessing.

How does the multiple comparisons problem relate to model overﬁtting? In

the context of learning a classiﬁcation model, each combination of parameter values corresponds to an analyst, while the number of training instances corresponds to the number of days. Analogous to the task of selecting the best analyst who makes the most accurate predictions on consecutive days, the task of a learning algorithm is to select the best combination of parameters that results in the highest accuracy on the training set. If the number of parameter combinations is large but the training size is small, it is highly likely for the learning algorithm to choose a spurious parameter combination that provides high training accuracy just by random chance. In the following example, we illustrate the phenomena of overﬁtting due to multiple comparisons in the context of decision tree induction.

**154 Chapter 3** Classiﬁcation

20

18

16

14

12

10

8

6

4

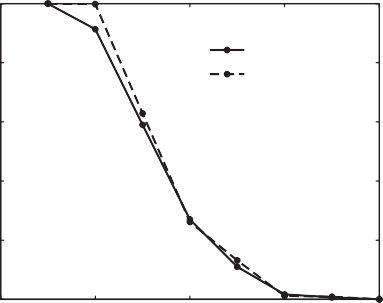
2

0

0 5 10 15 20

**Figure 3.26.** Example of a two-dimensional (X-Y) data set.

0.5



Training error Test error

0.4



Ⓧ

0.3

Error rate

0.2

0.1

0

0 2 4 6 8

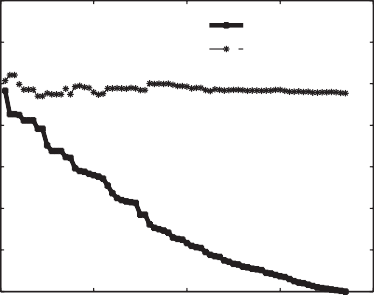
Number of nodes

0.7

0.6



Ⓧ



Training error Test error

0.5

Error rate

0.4

0.3

0.2

0.1

0

0 20 40 60 80

Number of nodes

1. Using X and Y attributes only.
2. After adding 100 irrelevant at- tributes.

**Figure 3.27.** Training and test error rates illustrating the effect of multiple comparisons problem on model overfitting.

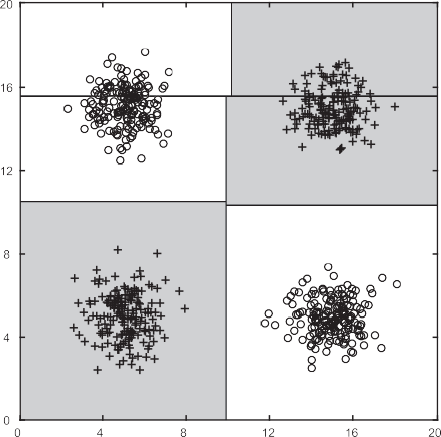
**Example 3.7. [Multiple Comparisons and Overﬁtting]** Consider the two-dimensional data set shown in Figure 3.26 containing 500 + and 500 o instances, which is similar to the data shown in Figure 3.19. In this data set, the distributions of both classes are well-separated in the two-dimensional (X-

Y) attribute space, but none of the two attributes (X or Y) are suﬃciently

informative to be used alone for separating the two classes. Hence, splitting

* 1. Model Overﬁtting **155**

1



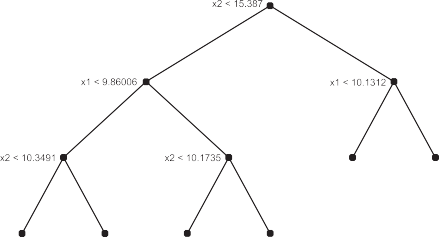
**2**

**1**

**5**

**4**

**3**



3

2

5

4

0

+

+ 0 0 +

1. Decision boundary for tree with 6 leaf nodes.
2. Decision tree with 6 leaf nodes.

**Figure 3.28.** Decision tree with 6 leaf nodes using X and Y as attributes. Splits have been numbered from 1 to 5 in order of other occurrence in the tree.



Ⓧ



Ⓧ

the data set based on any value of an X or Y attribute will provide close to zero reduction in an impurity measure. However, if X and Y attributes are used together in the splitting criterion (e.g., splitting X at 10 *and* Y at 10), the two classes can be eﬀectively separated.

Figure 3.27(a) shows the training and test error rates for learning decision

trees of varying sizes, when 30% of the data is used for training and the remain- der of the data for testing. We can see that the two classes can be separated using a small number of leaf nodes. Figure 3.28 shows the decision boundaries for the tree with six leaf nodes, where the splits have been numbered according to their order of appearance in the tree. Note that the even though splits 1 and 3 provide trivial gains, their consequent splits (2, 4, and 5) provide large gains, resulting in eﬀective discrimination of the two classes.

Assume we add 100 irrelevant attributes to the two-dimensional X-Y data.

Learning a decision tree from this resultant data will be challenging because the number of candidate attributes to choose for splitting at every internal node will increase from two to 102. With such a large number of candidate attribute test conditions to choose from, it is quite likely that spurious at- tribute test conditions will be selected at internal nodes because of the multiple comparisons problem. Figure 3.27(b) shows the training and test error rates after adding 100 irrelevant attributes to the training set. We can see that the

**156 Chapter 3** Classiﬁcation

test error rate remains close to 0.5 even after using 50 leaf nodes, while the training error rate keeps on declining and eventually becomes 0.

# Model Selection

There are many possible classiﬁcation models with varying levels of model complexity that can be used to capture patterns in the training data. Among these possibilities, we want to select the model that shows lowest generalization error rate. The process of selecting a model with the right level of complexity, which is expected to generalize well over unseen test instances, is known as **model selection**. As described in the previous section, the training error rate cannot be reliably used as the sole criterion for model selection. In the following, we present three generic approaches to estimate the generalization performance of a model that can be used for model selection. We conclude this section by presenting speciﬁc strategies for using these approaches in the context of decision tree induction.

## Using a Validation Set

Ⓧ

Ⓧ

Note that we can always estimate the generalization error rate of a model by using “out-of-sample” estimates, i.e. by evaluating the model on a separate **validation set** that is not used for training the model. The error rate on the validation set, termed as the validation error rate, is a better indicator of generalization performance than the training error rate, since the validation set has not been used for training the model. The validation error rate can be used for model selection as follows.

Given a training set *D.train*, we can partition *D.train* into two smaller

subsets, *D.tr* and *D.val*, such that *D.tr* is used for training while *D.val* is used as the validation set. For example, two-thirds of *D.train* can be reserved as *D.tr* for training, while the remaining one-third is used as *D.val* for computing validation error rate. For any choice of classiﬁcation model *m* that is trained on *D.tr*, we can estimate its validation error rate on *D.val*, *errval*(*m*). The model that shows the lowest value of *errval*(*m*) can then be selected as the preferred choice of model.

The use of validation set provides a generic approach for model selection.

However, one limitation of this approach is that it is sensitive to the sizes of *D.tr* and *D.val*, obtained by partitioning *D.train*. If the size of *D.tr* is too small, it may result in the learning of a poor classiﬁcation model with sub- standard performance, since a smaller training set will be less representative

**3.5** Model Selection **157**





**Figure 3.29.** Class distribution of validation data for the two decision trees shown in Figure 3.30.

of the overall data. On the other hand, if the size of *D.val* is too small, the validation error rate might not be reliable for selecting models, as it would be computed over a small number of instances.

Ⓧ

Ⓧ

**Example 3.8. [Validation Error]** In the following example, we illustrate one possible approach for using a validation set in decision tree induction. Figure 3.29 shows the predicted labels at the leaf nodes of the decision trees generated in Figure 3.30. The counts given beneath the leaf nodes represent the proportion of data instances in the validation set that reach each of the nodes. Based on the predicted labels of the nodes, the validation error rate for the left tree is *errval*(*TL*)= 6*/*16 = 0*.*375, while the validation error rate for the right tree is *errval*(*TR*)= 4*/*16 = 0*.*25. Based on their validation error rates, the right tree is preferred over the left one.

## Incorporating Model Complexity

Since the chance for model overﬁtting increases as the model becomes more complex, a model selection approach should not only consider the training error rate but also the model complexity. This strategy is inspired by a well- known principle known as **Occam’s razor** or the **principle of parsimony**, which suggests that given two models with the same errors, the simpler model is preferred over the more complex model. A generic approach to account

**158 Chapter 3** Classiﬁcation

for model complexity while estimating generalization performance is formally described as follows.

Given a training set *D.train*, let us consider learning a classiﬁcation model *m* that belongs to a certain class of models, *M*. For example, if *M* represents the set of all possible decision trees, then *m* can correspond to a speciﬁc deci- sion tree learned from the training set. We are interested in estimating the gen- eralization error rate of *m*, *gen.error*(*m*). As discussed previously, the training error rate of *m*, *train.error*(*m, D.train*), can under-estimate *gen.error*(*m*) when the model complexity is high. Hence, we represent *gen.error*(*m*) as a function of not just the training error rate but also the model complexity of *M*, *complexity*(*M*), as follows:

*gen.error*(*m*)= *train.error*(*m, D.train*)+ *α × complexity*(*M*)*,* (3.11)

where *α* is a hyper-parameter that strikes a balance between minimizing training error and reducing model complexity. A higher value of *α* gives more emphasis to the model complexity in the estimation of generalization performance. To choose the right value of *α*, we can make use of the validation set ina similar way as described in 3.5.1. For example, we can iterate through a range of values of *α* and for every possible value, we can learn a model on a subset of the training set, *D.tr*, and compute its validation error rate on a separate subset, *D.val*. We can then select the value of *α* that provides the lowest validation error rate.

Ⓧ

Ⓧ

Equation 3.11 provides one possible approach for incorporating model com-

plexity into the estimate of generalization performance. This approach is at the heart of a number of techniques for estimating generalization performance, such as the structural risk minimization principle, the Akaike’s Information Criterion (AIC), and the Bayesian Information Criterion (BIC). The structural risk minimization principle serves as the building block for learning support vector machines, which will be discussed later in Chapter 4. For more details on AIC and BIC, see the Bibliographic Notes.

In the following, we present two diﬀerent approaches for estimating the

complexity of a model, *complexity*(*M*). While the former is speciﬁc to decision trees, the latter is more generic and can be used with any class of models.

### Estimating the Complexity of Decision Trees

In the context of decision trees, the complexity of a decision tree can be estimated as the ratio of the number of leaf nodes to the number of training instances. Let *k* be the number of leaf nodes and *Ntrain* be the number of

**3.5** Model Selection **159**

training instances. The complexity of a decision tree can then be described as *k/Ntrain*. This reﬂects the intuition that for a larger training size, we can learn a decision tree with larger number of leaf nodes without it becoming overly complex. The generalization error rate of a decision tree *T* can then be computed using Equation 3.11 as follows:

*errgen*(*T* )= *err*(*T* )+Ω *× N*

*k*

*,*

*train*

where *err*(*T* ) is the training error of the decision tree and Ω is a hyper- parameter that makes a trade-oﬀ between reducing training error and min- imizing model complexity, similar to the use of *α* in Equation 3.11. Ω can be viewed as the relative cost of adding a leaf node relative to incurring a training error. In the literature on decision tree induction, the above approach for estimating generalization error rate is also termed as the **pessimistic error estimate**. It is called pessimistic as it assumes the generalization error rate to be worse than the training error rate (by adding a penalty term for model complexity). On the other hand, simply using the training error rate as an estimate of the generalization error rate is called the **optimistic error estimate** or the **resubstitution estimate**.

Ⓧ

Ⓧ

**Example 3.9. [Generalization Error Estimates]** Consider the two binary decision trees, *TL* and *TR*, shown in Figure 3.30. Both trees are generated from the same training data and *TL* is generated by expanding three leaf nodes of *TR*. The counts shown in the leaf nodes of the trees represent the class

+: 3

–: 0

+: 3 +: 2 +: 0 +: 1

–: 1 –: 1 –: 2 –: 2

+: 3 +: 0

–: 1 –: 5

+: 5 +: 1

–: 2 –: 4

+: 3 +: 3

–: 0 –: 6

Decision Tree, TL Decision Tree, TR

**Figure 3.30.** Example of two decision trees generated from the same training data.

**160 Chapter 3** Classiﬁcation

distribution of the training instances. If each leaf node is labeled according to the majority class of training instances that reach the node, the training error rate for the left tree will be *err*(*TL*)= 4*/*24 = 0*.*167, while the training error rate for the right tree will be *err*(*TR*) = 6*/*24 = 0*.*25. Based on their training error rates alone, *TL* would preferred over *TR*, even though *TL* is more complex (contains larger number of leaf nodes) than *TR*.

Now, assume that the cost associated with each leaf node is Ω = 0*.*5. Then,

the generalization error estimate for *TL* will be

4 7 7*.*5

*errgen*(*TL*)= 24 + 0*.*5 *×* 24 =

= 0*.*3125

24

and the generalization error estimate for *TR* will be

6 4 8

*errgen*(*TR*)= 24 + 0*.*5 *×* 24 = 24 = 0*.*3333*.*

Since *TL* has a lower generalization error rate, it will still be preferred over *TR*. Note that Ω = 0*.*5 implies that a node should always be expanded into its two child nodes if it improves the prediction of at least one training instance, since expanding a node is less costly than misclassifying a training instance. On the other hand, if Ω = 1, then the generalization error rate for *TL* is *errgen*(*TL*)= 11*/*24 = 0*.*458 and for *TR* is *errgen*(*TR*) = 10*/*24 = 0*.*417. In this case, *TR* will be preferred over *TL* because it has a lower generalization error rate. This example illustrates that diﬀerent choices of Ω can change our preference of decision trees based on their generalization error estimates. However, for a given choice of Ω, the pessimistic error estimate provides an approach for modeling the generalization performance on unseen test instances. The value of Ω can be selected with the help of a validation set.

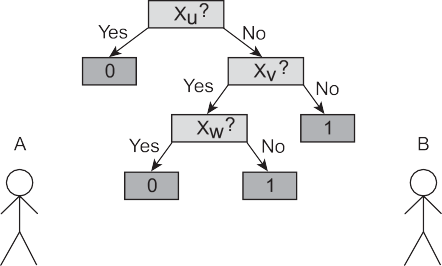
Ⓧ

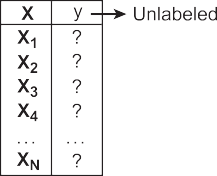
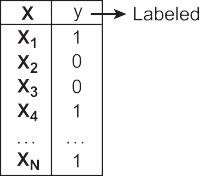
Ⓧ

### Minimum Description Length Principle

Another way to incorporate model complexity is based on an information- theoretic approach known as the minimum description length or MDL prin- ciple. To illustrate this approach, consider the example shown in Figure 3.31. In this example, both person A and person B are given a set of instances with known attribute values **x**. Assume person A knows the class label *y* for every instance, while person B has no such information. A would like to share the class information with B by sending a message containing the labels. The message would contain Θ(*N* ) bits of information, where *N* is the number of instances.

**3.5** Model Selection **161**





**Figure 3.31.** An illustration of the minimum description length principle.

Alternatively, instead of sending the class labels explicitly, A can build a classiﬁcation model from the instances and transmit it to B. B can then apply the model to determine the class labels of the instances. If the model is 100% accurate, then the cost for transmission is equal to the number of bits required to encode the model. Otherwise, A must also transmit information about which instances are misclassiﬁed by the model so that B can reproduce the same class labels. Thus, the overall transmission cost, which is equal to the total description length of the message, is

Ⓧ

Ⓧ

*Cost*(*model, data*)= *Cost*(*data|model*)+ *α × Cost*(*model*)*,* (3.12)

where the ﬁrst term on the right-hand side is the number of bits needed to encode the misclassiﬁed instances, while the second term is the number of bits required to encode the model. There is also a hyper-parameter *α* that trades-oﬀ the relative costs of the misclassiﬁed instances and the model. Notice the familiarity between this equation and the generic equation for generalization error rate presented in Equation 3.11. A good model must have a total description length less than the number of bits required to encode the entire sequence of class labels. Furthermore, given two competing models, the model with lower total description length is preferred. An example showing how to compute the total description length of a decision tree is given in Exercise 10 on page 189.

**162 Chapter 3** Classiﬁcation

## Estimating Statistical Bounds

Instead of using Equation 3.11 to estimate the generalization error rate of a model, an alternative way is to apply a statistical correction to the training error rate of the model that is indicative of its model complexity. This can be done if the probability distribution of training error is available or can be assumed. For example, the number of errors committed by a leaf node in a decision tree can be assumed to follow a binomial distribution. We can thus compute an upper bound limit to the observed training error rate that can be used for model selection, as illustrated in the following example.

**Example 3.10. [Statistical Bounds on Training Error]** Consider the left-most branch of the binary decision trees shown in Figure 3.30. Observe that the left-most leaf node of *TR* has been expanded into two child nodes in *TL*. Before splitting, the training error rate of the node is 2*/*7 = 0*.*286. By approximating a binomial distribution with a normal distribution, the following upper bound of the training error rate *e* can be derived:

*eupper*(*N, e, α*)=

Ⓧ

*z* 2

*e* + *α/*2 + *z*

2*N*

*α/*2

Ⓧ

. *e*(1*−e*)

*N*

*z*2

2

*α/*2

+

*z*

4*N* 2

*,* (3.13)

1+ *α/*2

*N*

where *α* is the conﬁdence level, *zα/*2 is the standardized value from a standard normal distribution, and *N* is the total number of training instances used to compute *e*. By replacing *α* = 25%, *N* = 7, and *e* = 2*/*7, the upper bound for the error rate is *eupper*(7*,* 2*/*7*,* 0*.*25) = 0*.*503, which corresponds to 7 *×* 0*.*503 =

3*.*521 errors. If we expand the node into its child nodes as shown in *TL*, the

training error rates for the child nodes are 1*/*4 = 0*.*250 and 1*/*3 = 0*.*333, respectively. Using Equation (3.13), the upper bounds of these error rates are *eupper*(4*,* 1*/*4*,* 0*.*25) = 0*.*537 and *eupper*(3*,* 1*/*3*,* 0*.*25) = 0*.*650, respectively. The overall training error of the child nodes is 4 *×* 0*.*537 + 3 *×* 0*.*650 = 4*.*098, which is larger than the estimated error for the corresponding node in *TR*, suggesting that it should not be split.

## Model Selection for Decision Trees

Building on the generic approaches presented above, we present two commonly used model selection strategies for decision tree induction.

**Prepruning (Early Stopping Rule)** In this approach, the tree-growing algorithm is halted before generating a fully grown tree that perfectly ﬁts

* 1. Model Selection **163**

the entire training data. To do this, a more restrictive stopping condition must be used; e.g., stop expanding a leaf node when the observed gain in the generalization error estimate falls below a certain threshold. This estimate of the generalization error rate can be computed using any of the approaches presented in the preceding three subsections, e.g., by using pessimistic error estimates, by using validation error estimates, or by using statistical bounds. The advantage of prepruning is that it avoids the computations associated with generating overly complex subtrees that overﬁt the training data. However, one major drawback of this method is that, even if no signiﬁcant gain is obtained using one of the existing splitting criterion, subsequent splitting may result in better subtrees. Such subtrees would not be reached if prepruning is used because of the greedy nature of decision tree induction.

**Post-pruning** In this approach, the decision tree is initially grown to its maximum size. This is followed by a tree-pruning step, which proceeds to trim the fully grown tree in a bottom-up fashion. Trimming can be done by replac- ing a subtree with (1) a new leaf node whose class label is determined from the majority class of instances aﬃliated with the subtree (approach known as **subtree replacement**), or (2) the most frequently used branch of the subtree (approach known as **subtree raising**). The tree-pruning step terminates when no further improvement in the generalization error estimate is observed beyond a certain threshold. Again, the estimates of generalization error rate can be computed using any of the approaches presented in the previous three subsections. Post-pruning tends to give better results than prepruning because it makes pruning decisions based on a fully grown tree, unlike prepruning, which can suﬀer from premature termination of the tree-growing process. However, for post-pruning, the additional computations needed to grow the full tree may be wasted when the subtree is pruned.

Ⓧ

Ⓧ

Figure 3.32 illustrates the simpliﬁed decision tree model for the web robot

detection example given in Section 3.3.5. Notice that the subtree rooted at

depth = 1 has been replaced by one of its branches corresponding to breadth

*<*= 7, width *>* 3, and MultiP = 1, using subtree raising. On the other hand, the subtree corresponding to depth *>* 1 and MultiAgent = 0 has been replaced by a leaf node assigned to class 0, using subtree replacement. The subtree for depth *>* 1 and MultiAgent =1 remains intact.

**164 Chapter 3** Classiﬁcation

Subtree Raising

Subtree Replacement

**Simplified Decision Tree:**

depth = 1:

|

|

|

|

depth > 1:

|

| MultiAgent = 1:

| | totalPages <= 81: **class 0**

| | totalPages > 81: **class 1**

MultiAgent = 0: **class 0**

ImagePages <= 0.1333: **class 1**

ImagePages > 0.1333:

| breadth <= 6: **class 0**

| breadth > 6: **class 1**

**Decision Tree:**

depth = 1:

| breadth> 7 : **class 1**

| breadth<= 7:

| | breadth <= 3:

| | | ImagePages> 0.375: **class 0**

| | | ImagePages<= 0.375:

| | | | totalPages<= 6: **class 1**

| | | | totalPages> 6:

| | | | | breadth <= 1: **class 1**

| | | | | breadth > 1: **class 0**

| | width > 3:

| | | MultilP = 0:

| | | |

| | | |

| | | |

| | | |

| | | MultilP = 1:

| | | | TotalTime <= 361: **class 0**

| | | | TotalTime > 361: **class 1**

depth> 1:

| MultiAgent = 0:

| |

| |

| |

| |

| |

| |

| |

| |

| MultiAgent = 1:

| | totalPages <= 81: **class 0**

| | totalPages > 81: **class 1**

depth > 2: **class 0**

depth <= 2:

| MultilP = 1: **class 0**

| MultilP = 0:

| | breadth <= 6: **class 0**

| | breadth > 6:

| | | RepeatedAccess <= 0.322: **class 0**

| | | RepeatedAccess > 0.322: **class 1**

ImagePages<= 0.1333: **class 1**

ImagePages> 0.1333:

breadth <= 6: **class 0**

breadth > 6: **class 1**

Ⓧ

Ⓧ

**Figure 3.32.** Post-pruning of the decision tree for web robot detection.

# Model Evaluation

The previous section discussed several approaches for model selection that can be used to learn a classiﬁcation model from a training set *D.train*. Here we discuss methods for estimating its generalization performance, i.e. its per- formance on unseen instances outside of *D.train*. This process is known as **model evaluation**.

Note that model selection approaches discussed in Section 3.5 also compute

an estimate of the generalization performance using the training set *D.train*. However, these estimates are *biased* indicators of the performance on unseen instances, since they were used to guide the selection of classiﬁcation model. For example, if we use the validation error rate for model selection (as de- scribed in Section 3.5.1), the resulting model would be deliberately chosen to minimize the errors on the validation set. The validation error rate may thus under-estimate the true generalization error rate, and hence cannot be reliably used for model evaluation.

**3.6** Model Evaluation **165**

A correct approach for model evaluation would be to assess the perfor- mance of a learned model on a labeled test set has not been used at any stage of model selection. This can be achieved by partitioning the entire set of labeled instances *D*, into two disjoint subsets, *D.train*, which is used for model selection and *D.test*, which is used for computing the test error rate, *errtest*. In the following, we present two diﬀerent approaches for partitioning *D* into *D.train* and *D.test*, and computing the test error rate, *errtest*.

## Holdout Method

The most basic technique for partitioning a labeled data set is the holdout method, where the labeled set *D* is randomly partitioned into two disjoint sets, called the training set *D.train* and the test set *D.test*. A classiﬁcation model is then induced from *D.train* using the model selection approaches presented in Section 3.5, and its error rate on *D.test*, *errtest*, is used as an estimate of the generalization error rate. The proportion of data reserved for training and for testing is typically at the discretion of the analysts, e.g., two-thirds for training and one-third for testing.

Similar to the trade-oﬀ faced while partitioning *D.train* into *D.tr* and

*D.val* in Section 3.5.1, choosing the right fraction of labeled data to be used for training and testing is non-trivial. If the size of *D.train* is small, the learned classiﬁcation model may be improperly learned using an insuﬃcient number of training instances, resulting in a biased estimation of generalization performance. On the other hand, if the size of *D.test* is small, *errtest* may be less reliable as it would be computed over a small number of test instances. Moreover, *errtest* can have a high variance as we change the random parti- tioning of *D* into *D.train* and *D.test*.

Ⓧ

Ⓧ

The holdout method can be repeated several times to obtain a distribution

of the test error rates, an approach known as **random subsampling** or repeated holdout method. This method produces a distribution of the error rates that can be used to understand the variance of *errtest*.

## Cross-Validation

Cross-validation is a widely-used model evaluation method that aims to make eﬀective use of all labeled instances in *D* for both training and testing. To illustrate this method, suppose that we are given a labeled set that we have randomly partitioned into three equal-sized subsets, *S*1, *S*2, and *S*3, as shown in Figure 3.33. For the ﬁrst run, we train a model using subsets *S*2 and *S*3 (shown as empty blocks) and test the model on subset *S*1. The test error rate

**166 Chapter 3** Classiﬁcation

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |







**Figure 3.33.** Example demonstrating the technique of 3-fold cross-validation.

on *S*1, denoted as *err*(*S*1), is thus computed in the ﬁrst run. Similarly, for the second run, we use *S*1 and *S*3 as the training set and *S*2 as the test set, to compute the test error rate, *err*(*S*2), on *S*2. Finally, we use *S*1 and *S*3 for training in the third run, while *S*3 is used for testing, thus resulting in the test error rate *err*(*S*3) for *S*3. The overall test error rate is obtained by summing up the number of errors committed in each test subset across all runs and dividing it by the total number of instances. This approach is called three-fold cross-validation.

Ⓧ

Ⓧ

The *k*-fold cross-validation method generalizes this approach by segment-

ing the labeled data *D* (of size *N* ) into *k* equal-sized partitions (or folds). During the *i*th run, one of the partitions of *D* is chosen as *D.test*(*i*) for testing, while the rest of the partitions are used as *D.train*(*i*) for training. A model *m*(*i*) is learned using *D.train*(*i*) and applied on *D.test*(*i*) to obtain the sum of test errors, *errsum*(*i*). This procedure is repeated *k* times. The total test error rate, *errtest*, is then computed as

*errtest* =

*k i*=1

Σ

*errsum*(*i*) *N*

*.* (3.14)

Every instance in the data is thus used for testing exactly once and for training exactly (*k −* 1) times. Also, every run uses (*k −* 1)*/k* fraction of the data for training and 1*/k* fraction for testing.

The right choice of *k* in *k*-fold cross-validation depends on a number of

characteristics of the problem. A small value of *k* will result in a smaller training set at every run, which will result in a larger estimate of generalization error rate than what is expected of a model trained over the entire labeled set. On the other hand, a high value of *k* results in a larger training set at

* 1. Model Evaluation **167**

every run, which reduces the bias in the estimate of generalization error rate. In the extreme case, when *k* = *N* , every run uses exactly one data instance for testing and the remainder of the data for testing. This special case of *k*-fold cross-validation is called the **leave-one-out** approach. This approach has the advantage of utilizing as much data as possible for training. However, leave- one-out can produce quite misleading results in some special scenarios, as illustrated in Exercise 11. Furthermore, leave-one-out can be computationally expensive for large data sets as the cross-validation procedure needs to be repeated *N* times. For most practical applications, the choice of *k* between 5 and 10 provides a reasonable approach for estimating the generalization error rate, because each fold is able to make use of 80% to 90% of the labeled data for training.

The *k*-fold cross-validation method, as described above, produces a single

estimate of the generalization error rate, without providing any information about the variance of the estimate. To obtain this information, we can run *k*-fold cross-validation for every possible partitioning of the data into *k* par- titions, and obtain a distribution of test error rates computed for every such partitioning. The average test error rate across all possible partitionings serves as a more robust estimate of generalization error rate. This approach of estimating the generalization error rate and its variance is known as the **complete cross-validation** approach. Even though such an estimate is quite robust, it is usually too expensive to consider all possible partitionings of a large data set into *k* partitions. A more practical solution is to repeat the cross- validation approach multiple times, using a diﬀerent random partitioning of the data into *k* partitions at every time, and use the average test error rate as the estimate of generalization error rate. Note that since there is only one possible partitioning for the leave-one-out approach, it is not possible to estimate the variance of generalization error rate, which is another limitation of this method.

Ⓧ

Ⓧ

The *k*-fold cross-validation does not guarantee that the fraction of positive

and negative instances in every partition of the data is equal to the fraction observed in the overall data. A simple solution to this problem is to perform a stratiﬁed sampling of the positive and negative instances into *k* partitions, an approach called **stratiﬁed cross-validation**.

In *k*-fold cross-validation, a diﬀerent model is learned at every run and

the performance of every one of the *k* models on their respective test folds is then aggregated to compute the overall test error rate, *errtest*. Hence, *errtest* does not reﬂect the generalization error rate of any of the *k* models. Instead, it reﬂects the *expected* generalization error rate of the *model selection approach*, when applied on a training set of the same size as one of the training

**168 Chapter 3** Classiﬁcation

folds (*N* (*k −* 1)*/k*). This is diﬀerent than the *errtest* computed in the holdout method, which exactly corresponds to the speciﬁc model learned over *D.train*. Hence, although eﬀectively utilizing every data instance in *D* for training and testing, the *errtest* computed in the cross-validation method does not represent the performance of a single model learned over a speciﬁc *D.train*.

Nonetheless, in practice, *errtest* is typically used as an estimate of the

generalization error of a model built on *D*. One motivation for this is that when the size of the training folds is closer to the size of the overall data (when *k* is large), then *errtest* resembles the expected performance of a model learned over a data set of the same size as *D*. For example, when *k* is 10, every training fold is 90% of the overall data. The *errtest* then should approach the expected performance of a model learned over 90% of the overall data, which will be close to the expected performance of a model learned over *D*.

# Presence of Hyper-parameters

Hyper-parameters are parameters of learning algorithms that need to be de- termined before learning the classiﬁcation model. For instance, consider the hyper-parameter *α* that appeared in Equation 3.11, which is repeated here for convenience. This equation was used for estimating the generalization error for a model selection approach that used an explicit representations of model complexity. (See Section 3.5.2.)

Ⓧ

Ⓧ

*gen.error*(*m*)= *train.error*(*m, D.train*)+ *α × complexity*(*M*) For other examples of hyper-parameters, see Chapter 4.

Unlike regular model parameters, such as the test conditions in the internal

nodes of a decision tree, hyper-parameters such as *α* do not appear in the ﬁnal classiﬁcation model that is used to classify unlabeled instances. However, the values of hyper-parameters need to be determined during model selection— a process known as **hyper-parameter selection**—and must be taken into account during model evaluation. Fortunately, both tasks can be eﬀectively ac- complished via slight modiﬁcations of the cross-validation approach described in the previous section.

## Hyper-parameter Selection

In Section 3.5.2, a validation set was used to select *α* and this approach is generally applicable for hyper-parameter section. Let *p* be the hyper-parameter that needs to be selected from a ﬁnite range of values, *P* = *{p*1*, p*2*,... pn}*.

**3.7** Presence of Hyper-parameters **169**

Partition *D.train* into *D.tr* and *D.val*. For every choice of hyper-parameter value *pi*, we can learn a model *mi* on *D.tr*, and apply this model on *D.val* to obtain the validation error rate *errval*(*pi*). Let *p∗* be the hyper-parameter value that provides the lowest validation error rate. We can then use the model *m∗* corresponding to *p∗* as the ﬁnal choice of classiﬁcation model.

The above approach, although useful, uses only a subset of the data,

*D.train*, for training and a subset, *D.val*, for validation. The framework of cross-validation, presented in Section 3.6.2, addresses both of those issues, albeit in the context of model evaluation. Here we indicate how to use a cross- validation approach for hyper-parameter selection. To illustrate this approach, let us partition *D.train* into three folds as shown in Figure 3.34. At every run, one of the folds is used as *D.val* for validation, and the remaining two folds are used as *D.tr* for learning a model, for every choice of hyper-parameter value *pi*. The overall validation error rate corresponding to each *pi* is computed by summing the errors across all the three folds. We then select the hyper- parameter value *p∗* that provides the lowest validation error rate, and use it to learn a model *m∗* on the entire training set *D.train*.



Ⓧ



Ⓧ



**Figure 3.34.** Example demonstrating the 3-fold cross-validation framework for hyper-parameter selection using *D.train*.

Algorithm 3.2 generalizes the above approach using a *k*-fold cross-validation framework for hyper-parameter selection. At the *i*th run of cross-validation, the data in the *i*th fold is used as *D.val*(*i*) for validation (Step 4), while the remainder of the data in *D.train* is used as *D.tr*(*i*) for training (Step 5). Then for every choice of hyper-parameter value *pi*, a model is learned on *D.tr*(*i*) (Step 7), which is applied on *D.val*(*i*) to compute its validation error (Step 8). This is used to compute the validation error rate corresponding to models learning using *pi* over all the folds (Step 11). The hyper-parameter value *p∗* that provides the lowest validation error rate (Step 12) is now used to learn the ﬁnal model *m∗* on the entire training set *D.train* (Step 13). Hence, at the

**170 Chapter 3** Classiﬁcation

**Algorithm 3.2** Procedure model-select(*k*, *P*, *D.train*)

1: *Ntrain* = *|D.train| {*Size of *D.train*.*}*

2: Divide *D.train* into *k* partitions, *D.train*1 to *D.traink*.

3: **for** each run *i* =1 to *k* **do**

4: *D.val*(*i*)= *D.traini*. *{*Partition used for validation.*}*

5: *D.tr*(*i*)= *D.train \ D.traini*. *{*Partitions used for training.*}*

6: **for** each parameter *p ∈P* **do**

7: *m* = model-train(*p*, *D.tr*(*i*)). *{*Train model*}*

8: *errsum*(*p*, *i*) = model-test(*m*, *D.val*(*i*)). Sum of validation errors.

*{ }*

9: **end for**

10: **end for**

11: *errval*(*p*)= Σ*k errsum*(*p*, *i*)*/Ntrain*. *{*Compute validation error rate.*}*

*{ }*

*i*

12: *p∗* = argmin*p errval*(*p*). Select best hyper-parameter value.

13: *m∗* = model-train(*p∗*, *D.train*). Learn ﬁnal model on *D.train*

*{ }*

14: return (*p∗*, *m∗*).

end of this algorithm, we obtain the best choice of the hyper-parameter value

as well as the ﬁnal classiﬁcation model (Step 14), both of which are obtained

by making an eﬀective use of every data instance in *D.train*.

Ⓧ

Ⓧ

## Nested Cross-Validation

The approach of the previous section provides a way to eﬀectively use all the instances in *D.train* to learn a classiﬁcation model when hyper-parameter selection is required. This approach can be applied over the entire data set *D* to learn the ﬁnal classiﬁcation model. However, applying Algorithm 3.2 on *D* would only return the ﬁnal classiﬁcation model *m∗* but not an estimate of its generalization performance, *errtest*. Recall that the validation error rates used in Algorithm 3.2 cannot be used as estimates of generalization performance, since they are used to guide the selection of the ﬁnal model *m∗*. However, to compute *errtest*, we can again use a cross-validation framework for evaluating the performance on the entire data set *D*, as described originally in Section

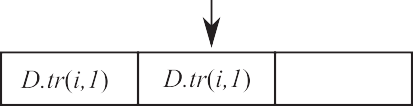
3.6.2. In this approach, *D* is partitioned into *D.train* (for training) and *D.test*

(for testing) at every run of cross-validation. When hyper-parameters are involved, we can use Algorithm 3.2 to train a model using *D.train* at every run, thus “internally” using cross-validation for model selection. This approach is called **nested cross-validation** or double cross-validation. Algorithm 3.3 describes the complete approach for estimating *errtest* using nested cross- validation in the presence of hyper-parameters.

As an illustration of this approach, see Figure 3.35 where the labeled set *D*

is partitioned into *D.train* and *D.test*, using a 3-fold cross-validation method.

* 1. Presence of Hyper-parameters **171**



*D.test*(*i*)

*D.val*(*i,1*)





*D.val*(*i,2*)

**Figure 3.35.** Example demonstrating 3-fold nested cross-validation for computing *errtest*.

At the *i*th run of this method, one of the folds is used as the test set, *D.test*(*i*), while the remaining two folds are used as the training set, *D.train*(*i*). This is represented in Figure 3.35 as the *i*th “outer” run. In order to select a model using *D.train*(*i*), we again use an “inner” 3-fold cross-validation framework that partitions *D.train*(*i*) into *D.tr* and *D.val* at every one of the three inner runs (iterations). As described in Section 3.7, we can use the inner cross-validation framework to select the best hyper-parameter value *p∗*(*i*) as well as its resulting classiﬁcation model *m∗*(*i*) learned over *D.train*(*i*). We can then apply *m∗*(*i*) on *D.test*(*i*) to obtain the test error at the *i*th outer run. By repeating this process for every outer run, we can compute the average test error rate, *errtest*, over the entire labeled set *D*. Note that in the above approach, the inner cross-validation framework is being used for model selection while the outer cross-validation framework is being used for model evaluation.

Ⓧ

Ⓧ

**Algorithm 3.3** The nested cross-validation approach for computing *errtest*.

1: Divide *D* into *k* partitions, *D*1 to *Dk*.

2: **for** each outer run *i* =1 to *k* **do**

3: *D.test*(*i*)= *Di*. *{*Partition used for testing.*}*

4: *D.train*(*i*)= *D Di*. Partitions used for model selection.

*\ { }*

5: (*p∗*(*i*), *m∗*(*i*)) = model-select(*k*, , *D.train*(*i*)). Inner cross-validation.

*P { }*

6: *errsum*(*i*)= model-test(*m∗*(*i*), *D.test*(*i*)). Sum of test errors.

*{ }*

7: **end for**

8: *errtest* = Σ*k errsum*(*i*)*/N* . *{*Compute test error rate.*}*

*i*

**172 Chapter 3** Classiﬁcation

# Pitfalls of Model Selection and Evaluation

Model selection and evaluation, when used eﬀectively, serve as excellent tools for learning classiﬁcation models and assessing their generalization perfor- mance. However, when using them eﬀectively in practical settings, there are several pitfalls that can result in improper and often misleading conclusions. Some of these pitfalls are simple to understand and easy to avoid, while others are quite subtle in nature and diﬃcult to catch. In the following, we present two of these pitfalls and discuss best practices to avoid them.

## Overlap between Training and Test Sets

One of the basic requirements of a *clean* model selection and evaluation setup is that the data used for model selection (*D.train*) must be kept separate from the data used for model evaluation (*D.test*). If there is any overlap between the two, the test error rate *errtest* computed over *D.test* cannot be considered representative of the performance on *unseen* instances. Comparing the eﬀec- tiveness of classiﬁcation models using *errtest* can then be quite misleading, as an overly complex model can show an inaccurately low value of *errtest* due to model overﬁtting (see Exercise 12 at the end of this chapter).

Ⓧ

Ⓧ

To illustrate the importance of ensuring no overlap between *D.train* and

*D.test*, consider a labeled data set where all the attributes are irrelevant,

i.e. they have no relationship with the class labels. Using such attributes, we should expect no classiﬁcation model to perform better than random guessing. However, if the test set involves even a small number of data instances that were used for training, there is a possibility for an overly complex model to show better performance than random, even though the attributes are completely irrelevant. As we will see later in Chapter 10, this scenario can actually be used as a criterion to detect overﬁtting due to improper setup of experiment. If a model shows better performance than a random classiﬁer even when the attributes are irrelevant, it is an indication of a potential feedback between the training and test sets.

## Use of Validation Error as Generalization Error

The validation error rate *errval* serves an important role during model se- lection, as it provides “out-of-sample” error estimates of models on *D.val*, which is not used for training the models. Hence, *errval* serves as a better metric than the training error rate for selecting models and hyper-parameter values, as described in Sections 3.5.1 and 3.7, respectively. However, once the

* 1. Model Comparison*∗* **173** validation set has been used for selecting a classiﬁcation model *m∗*, *errval* no longer reﬂects the performance of *m∗* on *unseen* instances.

To realize the pitfall in using validation error rate as an estimate of gen-

*P*

eralization performance, consider the problem of selecting a hyper-parameter

value *p* from a range of values *P*, using a validation set *D.val*. If the number of

possible values in is quite large and the size of *D.val* is small, it is possible to select a hyper-parameter value *p∗* that shows favorable performance on *D.val* just by random chance. Notice the similarity of this problem with the multiple comparisons problem discussed in Section 3.4.1. Even though the classiﬁcation model *m∗* learned using *p∗* would show a low validation error rate, it would lack generalizability on unseen test instances.

The correct approach for estimating the generalization error rate of a model

*m∗* is to use an independently chosen test set *D.test* that hasn’t been used in any way to inﬂuence the selection of *m∗*. As a rule of thumb, the test set should never be examined during model selection, to ensure the absence of any form of overﬁtting. If the insights gained from any portion of a labeled data set help in improving the classiﬁcation model even in an indirect way, then that portion of data must be discarded during testing.

# Model Comparison*∗*

Ⓧ

Ⓧ

One diﬃculty when comparing the performance of diﬀerent classiﬁcation mod- els is whether the observed diﬀerence in their performance is statistically signiﬁcant. For example, consider a pair of classiﬁcation models, *MA* and *MB*. Suppose *MA* achieves 85% accuracy when evaluated on a test set containing 30 instances, while *MB* achieves 75% accuracy on a diﬀerent test set containing 5000 instances. Based on this information, is *MA* a better model than *MB*? This example raises two key questions regarding the statistical signiﬁcance of a performance metric:

1. Although *MA* has a higher accuracy than *MB*, it was tested on a smaller test set. How much conﬁdence do we have that the accuracy for *MA* is actually 85%?
2. Is it possible to explain the diﬀerence in accuracies between *MA* and *MB*

as a result of variations in the composition of their test sets?

The ﬁrst question relates to the issue of estimating the conﬁdence interval of model accuracy. The second question relates to the issue of testing the statistical signiﬁcance of the observed deviation. These issues are investigated in the remainder of this section.

**174 Chapter 3** Classiﬁcation

## Estimating the Conﬁdence Interval for Accuracy

To determine its conﬁdence interval, we need to establish the probability distri- bution for sample accuracy. This section describes an approach for deriving the conﬁdence interval by modeling the classiﬁcation task as a binomial random experiment. The following describes characteristics of such an experiment:

* + - 1. The random experiment consists of *N* independent trials, where each trial has two possible outcomes: success or failure.
      2. The probability of success, *p*, in each trial is constant.

An example of a binomial experiment is counting the number of heads that turn up when a coin is ﬂipped *N* times. If *X* is the number of successes observed in *N* trials, then the probability that *X* takes a particular value is given by a binomial distribution with mean *Np* and variance *Np*(1 *− p*):

*P* (*X* = *v*)= .*N* Σ*pv*(1 *− p*)*N−v.*

*v*

For example, if the coin is fair (*p* = 0*.*5) and is ﬂipped ﬁfty times, then the probability that the head shows up 20 times is

Ⓧ

Ⓧ

*P* (*X* = 20) = .50Σ0*.*520(1 *−* 0*.*5)30 = 0*.*0419*.*

20

If the experiment is repeated many times, then the average number of heads expected to show up is 50 *×* 0*.*5 = 25, while its variance is 50 *×* 0*.*5 *×* 0*.*5= 12*.*5. The task of predicting the class labels of test instances can also be con- sidered as a binomial experiment. Given a test set that contains *N* instances, let *X* be the number of instances correctly predicted by a model and *p* be the true accuracy of the model. If the prediction task is modeled as a binomial experiment, then *X* has a binomial distribution with mean *Np* and variance *Np*(1 *− p*). It can be shown that the empirical accuracy, *acc* = *X/N* , also has a binomial distribution with mean *p* and variance *p*(1 *− p*)*/N* (see Exercise 14). The binomial distribution can be approximated by a normal distribution when *N* is suﬃciently large. Based on the normal distribution, the conﬁdence

interval for *acc* can be derived as follows:

*P* . *− Z*

*α/*2

*acc p*

*≤* √*p*(1 *− p*)*/N ≤ Z*

*−*

1*−α/*2

Σ =1 *− α,* (3.15)

* 1. Model Comparison*∗* **175** where *Zα/*2 and *Z*1*−α/*2 are the upper and lower bounds obtained from a standard normal distribution at conﬁdence level (1 *− α*). Since a standard

normal distribution is symmetric around *Z* = 0, it follows that *Zα/*2 = *Z*1*−α/*2.

*α/*2

*α/*2

*α/*2

Rearranging this inequality leads to the following conﬁdence interval for *p*:

2 *× N × acc* + *Z*2

*± Zα/*2.*Z*2

+ 4*N acc −* 4*Nacc*2

2(*N* + *Z*2

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 *− α* | 0.99 | 0.98 | 0.95 | 0.9 | 0.8 | 0.7 | 0.5 |
| *Zα/*2 | 2.58 | 2.33 | 1.96 | 1.65 | 1.28 | 1.04 | 0.67 |

*.* (3.16)

)

The following table shows the values of *Zα/*2 at diﬀerent conﬁdence levels:

**Example 3.11. [Conﬁdence Interval for Accuracy]** Consider a model

that has an accuracy of 80% when evaluated on 100 test instances. What is

the conﬁdence interval for its true accuracy at a 95% conﬁdence level? The

conﬁdence level of 95% corresponds to *Zα/*2 = 1*.*96 according to the table given above. Inserting this term into Equation 3.16 yields a conﬁdence interval between 71*.*1% and 86*.*7%. The following table shows the conﬁdence interval when the number of instances, *N* , increases:

Ⓧ

Ⓧ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *N* | 20 | 50 | 100 | 500 | 1000 | 5000 |
| Conﬁdence  Interval | 0.584  *−* 0.919 | 0.670  *−* 0.888 | 0.711  *−* 0.867 | 0.763  *−* 0.833 | 0.774  *−* 0.824 | 0.789  *−* 0.811 |

Note that the conﬁdence interval becomes tighter when *N* increases.

## Comparing the Performance of Two Models

Consider a pair of models, *M*1 and *M*2, which are evaluated on two indepen-

dent test sets, *D*1 and *D*2. Let *n*1 denote the number of instances in *D*1 and

*n*2 denote the number of instances in *D*2. In addition, suppose the error rate

for *M*1 on *D*1 is *e*1 and the error rate for *M*2 on *D*2 is *e*2. Our goal is to test

whether the observed diﬀerence between *e*1 and *e*2 is statistically signiﬁcant.

Assuming that *n*1 and *n*2 are suﬃciently large, the error rates *e*1 and *e*2

can be approximated using normal distributions. If the observed diﬀerence in

the error rate is denoted as *d* = *e*1 *e*2, then *d* is also normally distributed with mean *dt*, its true diﬀerence, and variance, *σ*2. The variance of *d* can be

*−*

*d*

**176 Chapter 3** Classiﬁcation

computed as follows:

*e*1(1 *− e*1) *e*2(1 *− e*2)

*σ*2 *≥ σ*^2 = + *,* (3.17)

*d*

*d*

*n*1

*n*2

where *e*1(1 *− e*1)*/n*1 and *e*2(1 *− e*2)*/n*2 are the variances of the error rates. Finally, at the (1 *− α*)% conﬁdence level, it can be shown that the conﬁdence interval for the true diﬀerence *dt* is given by the following equation:

*dt* = *d ± zα/*2*σd.* (3.18)

^

**Example 3.12. [Signiﬁcance Testing]** Consider the problem described at the beginning of this section. Model *MA* has an error rate of *e*1 = 0*.*15 when applied to *N*1 = 30 test instances, while model *MB* has an error rate of *e*2 = 0*.*25 when applied to *N*2 = 5000 test instances. The observed diﬀerence in their error rates is *d* = *|*0*.*15*−*0*.*25*|* = 0*.*1. In this example, we are performing a two-sided test to check whether *dt* =0 or *dt ƒ*= 0. The estimated variance of the observed diﬀerence in error rates can be computed as follows:

*σ*2 = 0*.*15(1 *−* 0*.*15) + 0*.*25(1 *−* 0*.*25) = 0*.*0043

^*d* 30

Ⓧ

Ⓧ

^

5000

or *σd* = 0*.*0655. Inserting this value into Equation 3.18, we obtain the following conﬁdence interval for *dt* at 95% conﬁdence level:

*dt* = 0*.*1 *±* 1*.*96 *×* 0*.*0655 = 0*.*1 *±* 0*.*128*.*

As the interval spans the value zero, we can conclude that the observed diﬀerence is not statistically signiﬁcant at a 95% conﬁdence level.

At what conﬁdence level can we reject the hypothesis that *dt* = 0? To do this, we need to determine the value of *Zα/*2 such that the conﬁdence interval for *dt* does not span the value zero. We can reverse the preceding computation

and look for the value *Zα/*2 such that *d > Zα/*2*σ*^*d*. Replacing the values of *d*

and *σ*^*d*

a two-sided test). The result suggests that the null hypothesis can be rejected

at conﬁdence level of 93*.*6% or lower.

gives *Z*

*α/*2

*<* 1*.*527. This value ﬁrst occurs when (1 *− α*)

“ 0*.*936 (for

# Bibliographic Notes

Early classiﬁcation systems were developed to organize various collections of objects, from living organisms to inanimate ones. Examples abound, from Aris- totle’s cataloguing of species to the Dewey Decimal and Library of Congress

**3.10** Bibliographic Notes **177**

classiﬁcation systems for books. Such a task typically requires considerable human eﬀorts, both to identify properties of the objects to be classiﬁed and to organize them into well distinguished categories.

With the development of statistics and computing, automated classiﬁ-

cation has been a subject of intensive research. The study of classiﬁcation in classical statistics is sometimes known as **discriminant analysis**, where the objective is to predict the group membership of an object based on its corresponding features. A well-known classical method is Fisher’s linear dis- criminant analysis [142], which seeks to ﬁnd a linear projection of the data that produces the best separation between objects from diﬀerent classes.

Many pattern recognition problems also require the discrimination of ob-

jects from diﬀerent classes. Examples include speech recognition, handwritten character identiﬁcation, and image classiﬁcation. Readers who are interested in the application of classiﬁcation techniques for pattern recognition may refer to the survey articles by Jain et al. [150] and Kulkarni et al. [157] or classic pattern recognition books by Bishop [125], Duda et al. [137], and Fukunaga [143]. The subject of classiﬁcation is also a major research topic in neural networks, statistical learning, and machine learning. An in-depth treatment on the topic of classiﬁcation from the statistical and machine learning per- spectives can be found in the books by Bishop [126], Cherkassky and Mulier [132], Hastie et al. [148], Michie et al. [162], Murphy [167], and Mitchell [165]. Recent years have also seen the release of many publicly available software packages for classiﬁcation, which can be embedded in programming languages such as Java (Weka [147]) and Python (scikit-learn [174]).

Ⓧ

Ⓧ

An overview of decision tree induction algorithms can be found in the

survey articles by Buntine [129], Moret [166], Murthy [168], and Safavian et al. [179]. Examples of some well-known decision tree algorithms include CART [127], ID3 [175], C4.5 [177], and CHAID [153]. Both ID3 and C4.5 employ the

entropy measure as their splitting function. An in-depth discussion of the C4.5

decision tree algorithm is given by Quinlan [177]. The CART algorithm was developed by Breiman et al. [127] and uses the Gini index as its splitting function. CHAID [153] uses the statistical *χ*2 test to determine the best split during the tree-growing process.

The decision tree algorithm presented in this chapter assumes that the

splitting condition at each internal node contains only one attribute. An oblique decision tree can use multiple attributes to form the attribute test condition in a single node [149, 187]. Breiman et al. [127] provide an option for using linear combinations of attributes in their CART implementation. Other approaches for inducing oblique decision trees were proposed by Heath et al. [149], Murthy et al. [169], Cant*u*´-Paz and Kamath [130], and Utgoﬀ

**178 Chapter 3** Classiﬁcation

and Brodley [187]. Although an oblique decision tree helps to improve the expressiveness of the model representation, the tree induction process becomes computationally challenging. Another way to improve the expressiveness of a decision tree without using oblique decision trees is to apply a method known as **constructive induction** [161]. This method simpliﬁes the task of learning complex splitting functions by creating compound features from the original data.

Besides the top-down approach, other strategies for growing a decision

tree include the bottom-up approach by Landeweerd et al. [159] and Pattipati and Alexandridis [173], as well as the bidirectional approach by Kim and Landgrebe [154]. Schuermann and Doster [181] and Wang and Suen [193] proposed using a **soft splitting criterion** to address the data fragmentation problem. In this approach, each instance is assigned to diﬀerent branches of the decision tree with diﬀerent probabilities.

Model overﬁtting is an important issue that must be addressed to ensure

that a decision tree classiﬁer performs equally well on previously unlabeled data instances. The model overﬁtting problem has been investigated by many authors including Breiman et al. [127], Schaﬀer [180], Mingers [164], and Jensen and Cohen [151]. While the presence of noise is often regarded as one of the primary reasons for overﬁtting [164, 170], Jensen and Cohen [151] viewed overﬁtting as an artifact of failure to compensate for the multiple comparisons problem.

Ⓧ

Ⓧ

Bishop [126] and Hastie et al. [148] provide an excellent discussion of

model overﬁtting, relating it to a well-known framework of theoretical analysis, known as bias-variance decomposition [146]. In this framework, the prediction of a learning algorithm is considered to be a function of the training set, which varies as the training set is changed. The generalization error of a model is then described in terms of its *bias* (the error of the average prediction obtained using diﬀerent training sets), its *variance* (how diﬀerent are the predictions obtained using diﬀerent training sets), and *noise* (the irreducible error inherent to the problem). An underﬁt model is considered to have high bias but low variance, while an overﬁt model is considered to have low bias but high variance. Although the bias-variance decomposition was originally proposed for regression problems (where the target attribute is a continuous variable), a uniﬁed analysis that is applicable for classiﬁcation has been proposed by Domingos [136]. The bias variance decomposition will be discussed in more detail while introducing ensemble learning methods in Chapter 4.

Various learning principles, such as the Probably Approximately Correct

(PAC) learning framework [188], have been developed to provide a theo- retical framework for explaining the generalization performance of learning

* 1. Bibliographic Notes **179**

algorithms. In the ﬁeld of statistics, a number of performance estimation methods have been proposed that make a trade-oﬀ between the goodness of ﬁt of a model and the model complexity. Most noteworthy among them are the Akaike’s Information Criterion [120] and the Bayesian Information Criterion [182]. They both apply corrective terms to the training error rate of a model, so as to penalize more complex models. Another widely-used approach for measuring the complexity of any general model is the Vapnik- Chervonenkis (VC) Dimension [190]. The VC dimension of a class of functions *C* is deﬁned as the maximum number of points that can be *shattered* (every point can be distinguished from the rest) by functions belonging to *C*, for any possible conﬁguration of points. The VC dimension lays the foundation of the structural risk minimization principle [189], which is extensively used in many learning algorithms, e.g., support vector machines, which will be discussed in detail in Chapter 4.

The Occam’s razor principle is often attributed to the philosopher William

of Occam. Domingos [135] cautioned against the pitfall of misinterpreting Occam’s razor as comparing models with similar training errors, instead of generalization errors. A survey on decision tree-pruning methods to avoid overﬁtting is given by Breslow and Aha [128] and Esposito et al. [141]. Some of the typical pruning methods include reduced error pruning [176], pessimistic error pruning [176], minimum error pruning [171], critical value pruning [163], cost-complexity pruning [127], and error-based pruning [177]. Quinlan and Rivest proposed using the minimum description length principle for decision tree pruning in [178].

Ⓧ

Ⓧ

The discussions in this chapter on the signiﬁcance of cross-validation error

estimates is inspired from Chapter 7 in Hastie et al. [148]. It is also an excellent resource for understanding “the right and wrong ways to do cross- validation”, which is similar to the discussion on pitfalls in Section 3.8 of this chapter. A comprehensive discussion of some of the common pitfalls in using cross-validation for model selection and evaluation is provided in Krstajic et al. [156].

The original cross-validation method was proposed independently by Allen

[121], Stone [184], and Geisser [145] for model assessment (evaluation). Even though cross-validation can be used for model selection [194], its usage for model selection is quite diﬀerent than when it is used for model evaluation, as emphasized by Stone [184]. Over the years, the distinction between the two usages has often been ignored, resulting in incorrect ﬁndings. One of the common mistakes while using cross-validation is to perform pre-processing operations (e.g., hyper-parameter tuning or feature selection) using the entire data set and not “within” the training fold of every cross-validation run.

**180 Chapter 3** Classiﬁcation

Ambroise et al., using a number of gene expression studies as examples, [124] provide an extensive discussion of the *selection bias* that arises when feature selection is performed outside cross-validation. Useful guidelines for evaluating models on microarray data have also been provided by Allison et al. [122]. The use of the cross-validation protocol for hyper-parameter tuning has been described in detail by Dudoit and van der Laan [138]. This approach has been called “grid-search cross-validation.” The correct approach in using cross-validation for both hyper-parameter selection and model evaluation, as discussed in Section 3.7 of this chapter, is extensively covered by Varma and Simon [191]. This combined approach has been referred to as “nested cross- validation” or “double cross-validation” in the existing literature. Recently, Tibshirani and Tibshirani [185] have proposed a new approach for hyper- parameter selection and model evaluation. Tsamardinos et al. [186] compared this approach to nested cross-validation. The experiments they performed found that, on average, both approaches provide conservative estimates of model performance with the Tibshirani and Tibshirani approach being more

computationally eﬃcient.

Kohavi [155] has performed an extensive empirical study to compare the performance metrics obtained using diﬀerent estimation methods such as ran- dom subsampling and *k*-fold cross-validation. Their results suggest that the best estimation method is ten-fold, stratiﬁed cross-validation.

Ⓧ

Ⓧ

An alternative approach for model evaluation is the bootstrap method,

which was presented by Efron in 1979 [139]. In this method, training instances are sampled *with replacement* from the labeled set, i.e., an instance previously selected to be part of the training set is equally likely to be drawn again. If the original data has *N* instances, it can be shown that, on average, a bootstrap sample of size *N* contains about 63.2% of the instances in the original data. Instances that are not included in the bootstrap sample become part of the test set. The bootstrap procedure for obtaining training and test sets is repeated *b* times, resulting in a diﬀerent error rate on the test set, *err*(*i*), at the *i*th run. To obtain the overall error rate, *errboot*, the **.632 bootstrap** approach combines *err*(*i*) with the error rate obtained from a training set containing all the labeled examples, *errs*, as follows:

*b*

*s*

*err*

*boot*

*i*=1

= 1 Σ(0*.*632 *× err*(*i*)+ 0*.*368 *× err* )*.* (3.19)

Efron and Tibshirani [140] provided a theoretical and empirical comparison between cross-validation and a bootstrap method known as the 632+ rule.

*b*

Bibliography **181**

While the .632 bootstrap method presented above provides a robust estimate of the generalization performance with low variance in its estimate, it may produce misleading results for highly complex models in certain conditions, as demonstrated by Kohavi [155]. This is because the overall error rate is not truly an out-of-sample error estimate as it depends on the training error rate, *errs*, which can be quite small if there is overﬁtting.

Current techniques such as C4.5 require that the entire training data set ﬁt

into main memory. There has been considerable eﬀort to develop parallel and scalable versions of decision tree induction algorithms. Some of the proposed algorithms include SLIQ by Mehta et al. [160], SPRINT by Shafer et al. [183], CMP by Wang and Zaniolo [192], CLOUDS by Alsabti et al. [123], RainForest by Gehrke et al. [144], and ScalParC by Joshi et al. [152]. A survey of parallel algorithms for classiﬁcation and other data mining tasks is given in [158]. More recently, there has been extensive research to implement large-scale classiﬁers on the compute uniﬁed device architecture (CUDA) [131, 134] and MapReduce [133, 172] platforms.

# Bibliography

1. H. Akaike. Information theory and an extension of the maximum likelihood principle. In *Selected Papers of Hirotugu Akaike*, pages 199–213. Springer, 1998.

Ⓧ

Ⓧ

1. D. M. Allen. The relationship between variable selection and data agumentation and a method for prediction. *Technometrics*, 16(1):125–127, 1974.
2. D. B. Allison, X. Cui, G. P. Page, and M. Sabripour. Microarray data analysis: from disarray to consolidation and consensus. *Nature reviews genetics*, 7(1):55–65, 2006.
3. K. Alsabti, S. Ranka, and V. Singh. CLOUDS: A Decision Tree Classiﬁer for Large Datasets. In *Proc. of the 4th Intl. Conf. on Knowledge Discovery and Data Mining*, pages 2–8, New York, NY, August 1998.
4. C. Ambroise and G. J. McLachlan. Selection bias in gene extraction on the basis of microarray gene-expression data. *Proceedings of the national academy of sciences*, 99 (10):6562–6566, 2002.
5. C. M. Bishop. *Neural Networks for Pattern Recognition*. Oxford University Press, Oxford, U.K., 1995.
6. C. M. Bishop. *Pattern Recognition and Machine Learning*. Springer, 2006.
7. L. Breiman, J. H. Friedman, R. Olshen, and C. J. Stone. *Classiﬁcation and Regression Trees*. Chapman & Hall, New York, 1984.
8. L. A. Breslow and D. W. Aha. Simplifying Decision Trees: A Survey. *Knowledge Engineering Review*, 12(1):1–40, 1997.
9. W. Buntine. Learning classiﬁcation trees. In *Artiﬁcial Intelligence Frontiers in Statistics*, pages 182–201. Chapman & Hall, London, 1993.
10. E. Cantu´-Paz and C. Kamath. Using evolutionary algorithms to induce oblique decision trees. In *Proc. of the Genetic and Evolutionary Computation Conf.*, pages 1053–1060, San Francisco, CA, 2000.

**182 Chapter 3** Classiﬁcation

1. B. Catanzaro, N. Sundaram, and K. Keutzer. Fast support vector machine training and

classiﬁcation on graphics processors. In *Proceedings of the 25th International Conference on Machine Learning*, pages 104–111, 2008.

1. V. Cherkassky and F. M. Mulier. *Learning from Data: Concepts, Theory, and Methods*. Wiley, 2nd edition, 2007.
2. C. Chu, S. K. Kim, Y.-A. Lin, Y. Yu, G. Bradski, A. Y. Ng, and K. Olukotun. Map- reduce for machine learning on multicore. *Advances in neural information processing systems*, 19:281, 2007.
3. A. Cotter, N. Srebro, and J. Keshet. A GPU-tailored Approach for Training Kernelized SVMs. In *Proceedings of the 17th ACM SIGKDD International Conference on Knowledge Discovery and Data Mining*, pages 805–813, San Diego, California, USA, 2011.
4. P. Domingos. The Role of Occam’s Razor in Knowledge Discovery. *Data Mining and Knowledge Discovery*, 3(4):409–425, 1999.
5. P. Domingos. A uniﬁed bias-variance decomposition. In *Proceedings of 17th International Conference on Machine Learning*, pages 231–238, 2000.
6. R. O. Duda, P. E. Hart, and D. G. Stork. *Pattern Classiﬁcation*. John Wiley & Sons, Inc., New York, 2nd edition, 2001.
7. S. Dudoit and M. J. van der Laan. Asymptotics of cross-validated risk estimation in estimator selection and performance assessment. *Statistical Methodology*, 2(2):131–154, 2005.
8. B. Efron. Bootstrap methods: another look at the jackknife. In *Breakthroughs in Statistics*, pages 569–593. Springer, 1992.

Ⓧ

Ⓧ

1. B. Efron and R. Tibshirani. Cross-validation and the Bootstrap: Estimating the Error Rate of a Prediction Rule. Technical report, Stanford University, 1995.
2. F. Esposito, D. Malerba, and G. Semeraro. A Comparative Analysis of Methods for Pruning Decision Trees. *IEEE Trans. Pattern Analysis and Machine Intelligence*, 19 (5):476–491, May 1997.
3. R. A. Fisher. The use of multiple measurements in taxonomic problems. *Annals of Eugenics*, 7:179–188, 1936.
4. K. Fukunaga. *Introduction to Statistical Pattern Recognition*. Academic Press, New York, 1990.
5. J. Gehrke, R. Ramakrishnan, and V. Ganti. RainForest—A Framework for Fast Decision Tree Construction of Large Datasets. *Data Mining and Knowledge Discovery*, 4(2/3):127–162, 2000.
6. S. Geisser. The predictive sample reuse method with applications. *Journal of the American Statistical Association*, 70(350):320–328, 1975.
7. S. Geman, E. Bienenstock, and R. Doursat. Neural networks and the bias/variance dilemma. *Neural computation*, 4(1):1–58, 1992.
8. M. Hall, E. Frank, G. Holmes, B. Pfahringer, P. Reutemann, and I. H. Witten. The WEKA Data Mining Software: An Update. *SIGKDD Explorations*, 11(1), 2009.
9. T. Hastie, R. Tibshirani, and J. Friedman. *The Elements of Statistical Learning: Data Mining, Inference, and Prediction*. Springer, 2nd edition, 2009.
10. D. Heath, S. Kasif, and S. Salzberg. Induction of Oblique Decision Trees. In *Proc. of the 13th Intl. Joint Conf. on Artiﬁcial Intelligence*, pages 1002–1007, Chambery, France, August 1993.
11. A. K. Jain, R. P. W. Duin, and J. Mao. Statistical Pattern Recognition: A Review.

*IEEE Tran. Patt. Anal. and Mach. Intellig.*, 22(1):4–37, 2000.

Bibliography **183**

1. D. Jensen and P. R. Cohen. Multiple Comparisons in Induction Algorithms. *Machine*

*Learning*, 38(3):309–338, March 2000.

1. M. V. Joshi, G. Karypis, and V. Kumar. ScalParC: A New Scalable and Eﬃcient Parallel Classiﬁcation Algorithm for Mining Large Datasets. In *Proc. of 12th Intl. Parallel Processing Symp. (IPPS/SPDP)*, pages 573–579, Orlando, FL, April 1998.
2. G. V. Kass. An Exploratory Technique for Investigating Large Quantities of Categorical Data. *Applied Statistics*, 29:119–127, 1980.
3. B. Kim and D. Landgrebe. Hierarchical decision classiﬁers in high-dimensional and large class data. *IEEE Trans. on Geoscience and Remote Sensing*, 29(4):518–528, 1991.
4. R. Kohavi. A Study on Cross-Validation and Bootstrap for Accuracy Estimation and Model Selection. In *Proc. of the 15th Intl. Joint Conf. on Artiﬁcial Intelligence*, pages 1137–1145, Montreal, Canada, August 1995.
5. D. Krstajic, L. J. Buturovic, D. E. Leahy, and S. Thomas. Cross-validation pitfalls when selecting and assessing regression and classiﬁcation models. *Journal of cheminformatics*, 6(1):1, 2014.
6. S. R. Kulkarni, G. Lugosi, and S. S. Venkatesh. Learning Pattern Classiﬁcation—A Survey. *IEEE Tran. Inf. Theory*, 44(6):2178–2206, 1998.
7. V. Kumar, M. V. Joshi, E.-H. Han, P. N. Tan, and M. Steinbach. High Performance Data Mining. In *High Performance Computing for Computational Science (VECPAR 2002)*, pages 111–125. Springer, 2002.
8. G. Landeweerd, T. Timmers, E. Gersema, M. Bins, and M. Halic. Binary tree versus single level tree classiﬁcation of white blood cells. *Pattern Recognition*, 16:571–577, 1983.

Ⓧ

Ⓧ

1. M. Mehta, R. Agrawal, and J. Rissanen. SLIQ: A Fast Scalable Classiﬁer for Data Mining. In *Proc. of the 5th Intl. Conf. on Extending Database Technology*, pages 18–32, Avignon, France, March 1996.
2. R. S. Michalski. A theory and methodology of inductive learning. *Artiﬁcial Intelligence*, 20:111–116, 1983.
3. D. Michie, D. J. Spiegelhalter, and C. C. Taylor. *Machine Learning, Neural and Statistical Classiﬁcation*. Ellis Horwood, Upper Saddle River, NJ, 1994.
4. J. Mingers. Expert Systems—Rule Induction with Statistical Data. *J Operational Research Society*, 38:39–47, 1987.
5. J. Mingers. An empirical comparison of pruning methods for decision tree induction.

*Machine Learning*, 4:227–243, 1989.

1. T. Mitchell. *Machine Learning*. McGraw-Hill, Boston, MA, 1997.
2. B. M. E. Moret. Decision Trees and Diagrams. *Computing Surveys*, 14(4):593–623, 1982.
3. K. P. Murphy. *Machine Learning: A Probabilistic Perspective*. MIT Press, 2012.
4. S. K. Murthy. Automatic Construction of Decision Trees from Data: A Multi- Disciplinary Survey. *Data Mining and Knowledge Discovery*, 2(4):345–389, 1998.
5. S. K. Murthy, S. Kasif, and S. Salzberg. A system for induction of oblique decision trees. *J of Artiﬁcial Intelligence Research*, 2:1–33, 1994.
6. T. Niblett. Constructing decision trees in noisy domains. In *Proc. of the 2nd European Working Session on Learning*, pages 67–78, Bled, Yugoslavia, May 1987.
7. T. Niblett and I. Bratko. Learning Decision Rules in Noisy Domains. In *Research and Development in Expert Systems III*, Cambridge, 1986. Cambridge University Press.
8. I. Palit and C. K. Reddy. Scalable and parallel boosting with mapreduce. *IEEE Transactions on Knowledge and Data Engineering*, 24(10):1904–1916, 2012.

**184 Chapter 3** Classiﬁcation

1. K. R. Pattipati and M. G. Alexandridis. Application of heuristic search and

information theory to sequential fault diagnosis. *IEEE Trans. on Systems, Man, and Cybernetics*, 20(4):872–887, 1990.

1. F. Pedregosa, G. Varoquaux, A. Gramfort, V. Michel, B. Thirion, O. Grisel, M. Blon- del, P. Prettenhofer, R. Weiss, V. Dubourg, J. Vanderplas, A. Passos, D. Cournapeau,

M. Brucher, M. Perrot, and E. Duchesnay. Scikit-learn: Machine Learning in Python.

*Journal of Machine Learning Research*, 12:2825–2830, 2011.

1. J. R. Quinlan. Discovering rules by induction from large collection of examples. In

D. Michie, editor, *Expert Systems in the Micro Electronic Age*. Edinburgh University Press, Edinburgh, UK, 1979.

1. J. R. Quinlan. Simplifying Decision Trees. *Intl. J. Man-Machine Studies*, 27:221–234, 1987.
2. J. R. Quinlan. *C4.5: Programs for Machine Learning*. Morgan-Kaufmann Publishers, San Mateo, CA, 1993.
3. J. R. Quinlan and R. L. Rivest. Inferring Decision Trees Using the Minimum Description Length Principle. *Information and Computation*, 80(3):227–248, 1989.
4. S. R. Safavian and D. Landgrebe. A Survey of Decision Tree Classiﬁer Methodology.

*IEEE Trans. Systems, Man and Cybernetics*, 22:660–674, May/June 1998.

1. C. Schaﬀer. Overﬁtting avoidence as bias. *Machine Learning*, 10:153–178, 1993.
2. J. Schuermann and W. Doster. A decision-theoretic approach in hierarchical classiﬁer design. *Pattern Recognition*, 17:359–369, 1984.
3. G. Schwarz et al. Estimating the dimension of a model. *The annals of statistics*, 6(2): 461–464, 1978.

Ⓧ

Ⓧ

1. J. C. Shafer, R. Agrawal, and M. Mehta. SPRINT: A Scalable Parallel Classiﬁer for Data Mining. In *Proc. of the 22nd VLDB Conf.*, pages 544–555, Bombay, India, September 1996.
2. M. Stone. Cross-validatory choice and assessment of statistical predictions. *Journal of the Royal Statistical Society. Series B (Methodological)*, pages 111–147, 1974.
3. R. J. Tibshirani and R. Tibshirani. A bias correction for the minimum error rate in cross-validation. *The Annals of Applied Statistics*, pages 822–829, 2009.
4. I. Tsamardinos, A. Rakhshani, and V. Lagani. Performance-estimation properties of cross-validation-based protocols with simultaneous hyper-parameter optimization. In *Hellenic Conference on Artiﬁcial Intelligence*, pages 1–14. Springer, 2014.
5. P. E. Utgoﬀ and C. E. Brodley. An incremental method for ﬁnding multivariate splits for decision trees. In *Proc. of the 7th Intl. Conf. on Machine Learning*, pages 58–65, Austin, TX, June 1990.
6. L. Valiant. A theory of the learnable. *Communications of the ACM*, 27(11):1134–1142, 1984.
7. V. N. Vapnik. *Statistical Learning Theory*. Wiley-Interscience, 1998.
8. V. N. Vapnik and A. Y. Chervonenkis. On the uniform convergence of relative frequencies of events to their probabilities. In *Measures of Complexity*, pages 11–30. Springer, 2015.
9. S. Varma and R. Simon. Bias in error estimation when using cross-validation for model selection. *BMC bioinformatics*, 7(1):1, 2006.
10. H. Wang and C. Zaniolo. CMP: A Fast Decision Tree Classiﬁer Using Multivariate Predictions. In *Proc. of the 16th Intl. Conf. on Data Engineering*, pages 449–460, San Diego, CA, March 2000.
    1. Exercises **185**

**Table 3.5.** Data set for Exercise 2.

Ⓧ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Customer ID | Gender | Car Type | Shirt Size | Class |
| 1 | M | Family | Small | C0 |
| 2 | M | Sports | Medium | C0 |
| 3 | M | Sports | Medium | C0 |
| 4 | M | Sports | Large | C0 |
| 5 | M | Sports | Extra Large | C0 |
| 6 | M | Sports | Extra Large | C0 |
| 7 | F | Sports | Small | C0 |
| 8 | F | Sports | Small | C0 |
| 9 | F | Sports | Medium | C0 |
| 10 | F | Luxury | Large | C0 |
| 11 | M | Family | Large | C1 |
| 12 | M | Family | Extra Large | C1 |
| 13 | M | Family | Medium | C1 |
| 14 | M | Luxury | Extra Large | C1 |
| 15 | F | Luxury | Small | C1 |
| 16 | F | Luxury | Small | C1 |
| 17 | F | Luxury | Medium | C1 |
| 18 | F | Luxury | Medium | C1 |
| 19 | F | Luxury | Medium | C1 |
| 20 | F | Luxury | Large | C1 |

Ⓧ

1. Q. R. Wang and C. Y. Suen. Large tree classiﬁer with heuristic search and global training. *IEEE Trans. on Pattern Analysis and Machine Intelligence*, 9(1):91–102, 1987.
2. Y. Zhang and Y. Yang. Cross-validation for selecting a model selection procedure.

*Journal of Econometrics*, 187(1):95–112, 2015.

# 3.11 Exercises

1. Draw the full decision tree for the parity function of four Boolean attributes,

*A*, *B*, *C*, and *D*. Is it possible to simplify the tree?

1. Consider the training examples shown in Table 3.5 for a binary classiﬁcation problem.
   1. Compute the Gini index for the overall collection of training examples.
   2. Compute the Gini index for the Customer ID attribute.
   3. Compute the Gini index for the Gender attribute.

**186 Chapter 3** Classiﬁcation

**Table 3.6.** Data set for Exercise 3.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Instance | *a*1 | *a*2 | *a*3 | Target Class |
| 1  2  3  4  5  6  7  8  9 | T T T F F F F T  F | T T F F T T F F  T | 1.0  6.0  5.0  4.0  7.0  3.0  8.0  7.0  5.0 | +  +  *−*  +  *−*  *−*  *−*  +  *−* |

* 1. Compute the Gini index for the Car Type attribute using multiway split.
  2. Compute the Gini index for the Shirt Size attribute using multiway split.
  3. Which attribute is better, Gender, Car Type, or Shirt Size?
  4. Explain why Customer ID should not be used as the attribute test con- dition even though it has the lowest Gini.

Ⓧ

Ⓧ

1. Consider the training examples shown in Table 3.6 for a binary classiﬁcation problem.
   1. What is the entropy of this collection of training examples with respect to the class attribute?
   2. What are the information gains of *a*1 and *a*2 relative to these training examples?
   3. For *a*3, which is a continuous attribute, compute the information gain for every possible split.
   4. What is the best split (among *a*1, *a*2, and *a*3) according to the information gain?
   5. What is the best split (between *a*1 and *a*2) according to the misclassiﬁ- cation error rate?
   6. What is the best split (between *a*1 and *a*2) according to the Gini index?
2. Show that the entropy of a node never increases after splitting it into smaller successor nodes.
3. Consider the following data set for a binary class problem.

**3.11** Exercises **187**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A | B | Class Label |
| T T T T T F F F T  T | F T T F T F F F T  F | +  +  +  *−*  +  *−*  *−*  *−*  *−*  *−* |

1. Calculate the information gain when splitting on *A* and *B*. Which at- tribute would the decision tree induction algorithm choose?
2. Calculate the gain in the Gini index when splitting on *A* and *B*. Which attribute would the decision tree induction algorithm choose?
3. Figure 3.11 shows that entropy and the Gini index are both monoton- ically increasing on the range [0, 0.5] and they are both monotonically decreasing on the range [0.5, 1]. Is it possible that information gain and the gain in the Gini index favor diﬀerent attributes? Explain.
4. Consider splitting a parent node *P* into two child nodes, *C*1 and *C*2, using some attribute test condition. The composition of labeled training instances at every node is summarized in the Table below.

Ⓧ

Ⓧ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | *P* | *C*1 | *C*2 |
| Class 0 | 7 | 3 | 4 |
| Class 1 | 3 | 0 | 3 |

* 1. Calculate the Gini index and misclassiﬁcation error rate of the parent node *P* .
  2. Calculate the weighted Gini index of the child nodes. Would you consider this attribute test condition if Gini is used as the impurity measure?
  3. Calculate the weighted misclassiﬁcation rate of the child nodes. Would you consider this attribute test condition if misclassiﬁcation rate is used as the impurity measure?

1. Consider the following set of training examples.

**188 Chapter 3** Classiﬁcation

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *X* | *Y* | *Z* | No. of Class C1 Examples | No. of Class C2 Examples |
| 0 | 0 | 0 | 5 | 40 |
| 0 | 0 | 1 | 0 | 15 |
| 0 | 1 | 0 | 10 | 5 |
| 0 | 1 | 1 | 45 | 0 |
| 1 | 0 | 0 | 10 | 5 |
| 1 | 0 | 1 | 25 | 0 |
| 1 | 1 | 0 | 5 | 20 |
| 1 | 1 | 1 | 0 | 15 |

1. Compute a two-level decision tree using the greedy approach described in this chapter. Use the classiﬁcation error rate as the criterion for splitting. What is the overall error rate of the induced tree?
2. Repeat part (a) using *X* as the ﬁrst splitting attribute and then choose the best remaining attribute for splitting at each of the two successor nodes. What is the error rate of the induced tree?
3. Compare the results of parts (a) and (b). Comment on the suitability of the greedy heuristic used for splitting attribute selection.
4. The following table summarizes a data set with three attributes *A*, *B*, *C* and two class labels +, *−*. Build a two-level decision tree.

Ⓧ

Ⓧ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| A | B | C | Number of  Instances | |
| + | *−* |
| T | T | T | 5 | 0 |
| F | T | T | 0 | 20 |
| T | F | T | 20 | 0 |
| F | F | T | 0 | 5 |
| T | T | F | 0 | 0 |
| F | T | F | 25 | 0 |
| T | F | F | 0 | 0 |
| F | F | F | 0 | 25 |

* 1. According to the classiﬁcation error rate, which attribute would be chosen as the ﬁrst splitting attribute? For each attribute, show the contingency table and the gains in classiﬁcation error rate.
  2. Repeat for the two children of the root node.
  3. How many instances are misclassiﬁed by the resulting decision tree?
  4. Repeat parts (a), (b), and (c) using *C* as the splitting attribute.
  5. Use the results in parts (c) and (d) to conclude about the greedy nature of the decision tree induction algorithm.

**3.11** Exercises **189**

Training:

A

0

1

B

C

0 1 0 1

\_

+

\_

+

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Instance | A | B | C | Class |
| 1 | 0 | 0 | 0 | + |
| 2 | 0 | 0 | 1 | + |
| 3 | 0 | 1 | 0 | + |
| 4 | 0 | 1 | 1 | – |
| 5 | 1 | 0 | 0 | + |
| 6 | 1 | 0 | 0 | + |
| 7 | 1 | 1 | 0 | – |
| 8 | 1 | 0 | 1 | + |
| 9 | 1 | 1 | 0 | – |
| 10 | 1 | 1 | 0 | – |

Validation:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Instance | A | B | C | Class |
| 11 | 0 | 0 | 0 | + |
| 12 | 0 | 1 | 1 | + |
| 13 | 1 | 1 | 0 | + |
| 14 | 1 | 0 | 1 | – |
| 15 | 1 | 0 | 0 | + |

**Figure 3.36.** Decision tree and data sets for Exercise 9.

1. Consider the decision tree shown in Figure 3.36.

Ⓧ

Ⓧ

* 1. Compute the generalization error rate of the tree using the optimistic approach.
  2. Compute the generalization error rate of the tree using the pessimistic approach. (For simplicity, use the strategy of adding a factor of 0.5 to each leaf node.)
  3. Compute the generalization error rate of the tree using the validation set shown above. This approach is known as **reduced error pruning**.

1. Consider the decision trees shown in Figure 3.37. Assume they are generated from a data set that contains 16 binary attributes and 3 classes, *C*1, *C*2, and *C*3.

Compute the total description length of each decision tree according to the following formulation of the minimum description length principle.

* The total description length of a tree is given by

*Cost*(*tree, data*)= *Cost*(*tree*)+ *Cost*(*data|tree*)*.*

Each internal node of the tree is encoded by the ID of the splitting attribute. If there are *m* attributes, the cost of encoding each attribute is log2 *m* bits.

*•*

**190 Chapter 3** Classiﬁcation

C2

C1

C3

C2

C1

C3

C2

C1

1. Decision tree with 7 errors (b) Decision tree with 4 errors

**Figure 3.37.** Decision trees for Exercise 10.

* + Each leaf is encoded using the ID of the class it is associated with. If there are *k* classes, the cost of encoding a class is log2 *k* bits.

*Cost*(*tree*) is the cost of encoding all the nodes in the tree. To simplify the computation, you can assume that the total cost of the tree is obtained by adding up the costs of encoding each internal node and each leaf node.

Ⓧ

Ⓧ

*•*

* + *Cost*(*data|tree*) is encoded using the classiﬁcation errors the tree commits on the training set. Each error is encoded by log2 *n* bits, where *n* is the total number of training instances.

Which decision tree is better, according to the MDL principle?

1. This exercise, inspired by the discussions in [155], highlights one of the known limitations of the leave-one-out model evaluation procedure. Let us consider a data set containing 50 positive and 50 negative instances, where the attributes are purely random and contain no information about the class labels. Hence, the generalization error rate of any classiﬁcation model learned over this data is expected to be 0.5. Let us consider a classiﬁer that assigns the majority class label of training instances (ties resolved by using the positive label as the default class) to any test instance, irrespective of its attribute values. We can call this approach as the *majority inducer* classiﬁer. Determine the error rate of this classiﬁer using the following methods.
   1. Leave-one-out.
   2. 2-fold stratiﬁed cross-validation, where the proportion of class labels at every fold is kept same as that of the overall data.
   3. From the results above, which method provides a more reliable evaluation of the classiﬁer’s generalization error rate?

**3.11** Exercises **191**

**Table 3.7.** Comparing the test accuracy of decision trees *T*10 and *T*100.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Accuracy** | |
| **Data Set** | *T*10 | *T*100 |
| *A* | 0.86 | 0.97 |
| *B* | 0.84 | 0.77 |

1. Consider a labeled data set containing 100 data instances, which is randomly partitioned into two sets *A* and *B*, each containing 50 instances. We use *A* as the training set to learn two decision trees, *T*10 with 10 leaf nodes and *T*100 with 100 leaf nodes. The accuracies of the two decision trees on data sets *A* and *B* are shown in Table 3.7.
   1. Based on the accuracies shown in Table 3.7, which classiﬁcation model would you expect to have better performance on unseen instances?
   2. Now, you tested *T*10 and *T*100 on the entire data set (*A* + *B*) and found that the classiﬁcation accuracy of *T*10 on data set (*A*+ *B*) is 0.85, whereas the classiﬁcation accuracy of *T*100 on the data set (*A* + *B*) is 0.87. Based on this new information and your observations from Table 3.7, which classiﬁcation model would you ﬁnally choose for classiﬁcation?

Ⓧ

Ⓧ

1. Consider the following approach for testing whether a classiﬁer A beats another classiﬁer B. Let *N* be the size ofa given data set, *pA* be the accuracy of classiﬁer A, *pB* be the accuracy of classiﬁer *B*, and *p* = (*pA* + *pB*)*/*2 be the average accuracy for both classiﬁers. To test whether classiﬁer A is signiﬁcantly better than B, the following Z-statistic is used:

*pA − pB*

*Z* = . *− .*

2*p*(1 *p*) *N*

Classiﬁer A is assumed to be better than classiﬁer B if Z *>* 1.96.

Table 3.8 compares the accuracies of three diﬀerent classiﬁers, decision tree classiﬁers, na¨ıve Bayes classiﬁers, and support vector machines, on various data sets. (The latter two classiﬁers are described in Chapter 4.)

Summarize the performance of the classiﬁers given in Table 3.8 using the following 3 *×* 3 table:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| win-loss-draw | Decision tree | Na¨ıve Bayes | Support vector  machine |
| Decision tree | 0 - 0 - 23 |  |  |
| Na¨ıve Bayes |  | 0 - 0 - 23 |  |
| Support vector machine |  |  | 0 - 0 - 23 |

**192 Chapter 3** Classiﬁcation

**Table 3.8.** Comparing the accuracy of various classification methods.

Ⓧ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Data Set | Size  (*N* ) | Decision  Tree (%) | na¨ıve  Bayes (%) | Support vector  machine (%) |
| Anneal | 898 | 92.09 | 79.62 | 87.19 |
| Australia | 690 | 85.51 | 76.81 | 84.78 |
| Auto | 205 | 81.95 | 58.05 | 70.73 |
| Breast | 699 | 95.14 | 95.99 | 96.42 |
| Cleve | 303 | 76.24 | 83.50 | 84.49 |
| Credit | 690 | 85.80 | 77.54 | 85.07 |
| Diabetes | 768 | 72.40 | 75.91 | 76.82 |
| German | 1000 | 70.90 | 74.70 | 74.40 |
| Glass | 214 | 67.29 | 48.59 | 59.81 |
| Heart | 270 | 80.00 | 84.07 | 83.70 |
| Hepatitis | 155 | 81.94 | 83.23 | 87.10 |
| Horse | 368 | 85.33 | 78.80 | 82.61 |
| Ionosphere | 351 | 89.17 | 82.34 | 88.89 |
| Iris | 150 | 94.67 | 95.33 | 96.00 |
| Labor | 57 | 78.95 | 94.74 | 92.98 |
| Led7 | 3200 | 73.34 | 73.16 | 73.56 |
| Lymphography | 148 | 77.03 | 83.11 | 86.49 |
| Pima | 768 | 74.35 | 76.04 | 76.95 |
| Sonar | 208 | 78.85 | 69.71 | 76.92 |
| Tic-tac-toe | 958 | 83.72 | 70.04 | 98.33 |
| Vehicle | 846 | 71.04 | 45.04 | 74.94 |
| Wine | 178 | 94.38 | 96.63 | 98.88 |
| Zoo | 101 | 93.07 | 93.07 | 96.04 |

Ⓧ

Each cell in the table contains the number of wins, losses, and draws when comparing the classiﬁer in a given row to the classiﬁer in a given column.

1. Let *X* be a binomial random variable with mean *Np* and variance *Np*(1 *p*). Show that the ratio *X/N* also has a binomial distribution with mean *p* and variance *p*(1 *− p*)*/N* .

*−*